

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **13087**/BTC-TCNH

Hà Nội, ngày **09** tháng 12 năm 2022

V/v thẩm định hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009.

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện chủ trương của Quốc hội tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), kiến nghị của một số địa phương, ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan và kết quả khảo sát của Đoàn liên Bộ (Văn phòng chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Ủy Ban dân tộc và NHCSXH) tại 03 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thanh Hóa, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn (sau đây gọi tắt là dự thảo Quyết định). (Gửi kèm theo: (i) Dự thảo Quyết định; (ii) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; (iii) Dự thảo Báo cáo tổng kết thi hành chính sách; (iv) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (v) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân; (vi) Báo cáo kết quả thực hiện chính sách tại một số địa phương của Đoàn khảo sát liên Bộ).

Thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị Quý Bộ thẩm định hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ nêu trên. Văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp xin gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 19/12/2022** để kịp thời tổng hợp, hoàn thiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. (Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ với Ông: Nguyễn Duy Linh, điện thoại 024.2220.2828 (số máy lẻ: 7008), số di động: 098.826.69.69, email: nguyenduylinh@mof.gov.vn.)

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp và hỗ trợ công tác của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCNH (N.D.Linh - 6b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tại các công văn số 3156/NHCS-TDSV ngày 10/6/2020, công văn số 4431/NHCS-TDSV ngày 21/8/2020 và công văn số 11560/NHCS-KHNV ngày 17/12/2021; báo cáo kết quả khảo sát của Đoàn công tác liên Bộ (Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc) và NHCSXH về tình hình thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn tại 03 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thanh Hóa¹ và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan², Bộ Tài chính xin tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn (Quyết định số 31) và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn (Quyết định số 92) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH.

1. Cơ sở pháp lý.

- Văn kiện “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030” tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam

¹ Đoàn khảo sát tại 02 tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi từ ngày 11/8 - 14/8/2022) và tại Thanh Hóa từ ngày 19/8 - 20/8/2022.

² Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 5080/BKHĐT ngày 25/7/2022; Bộ Tư pháp tại công văn số 2871/BTP-PLDSKT ngày 10/8/2022; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại công văn số 4882/NHNN-TD ngày 15/7/2022; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại công văn số 2618/LĐTĐBXH-VPQGGIN ngày 21/7/2022; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại công văn số 4379/BNN-PC ngày 11/7/2022; Ủy ban Dân tộc tại công văn số 1131/UBNDT-CSDT ngày 19/7/2022; Bộ Ngoại giao tại công văn số 2895/BNG-THTK ngày 14/7/2022; NHCSXH tại công văn số 5295/NHCS-TDSV ngày 07/7/2022.

đã nêu rõ một trong các phương hướng phát triển kinh tế - xã hội là “*quan tâm phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn...*”.

- Ngày 18/11/2019, Quốc hội khóa XIV ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó chỉ đạo cần tiếp tục nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên cơ sở thực hiện giải pháp đổi mới, mở rộng chính sách tín dụng của NHCSXH.

2. Cơ sở thực tiễn.

2.1. Về kết quả thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn.

- Đối với chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31: Theo báo cáo của NHCSXH, đến ngày 31/7/2022, tổng dư nợ của chương trình là 25.985 tỷ đồng, với hơn 662.000 khách hàng còn dư nợ, dư nợ bình quân là 39 triệu đồng/hộ. Nợ quá hạn của chương trình là 50,11 tỷ đồng, chiếm 0,19% dư nợ; nợ khoanh là 125 tỷ đồng, chiếm 0,48% dư nợ.

- Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92: Theo báo cáo của NHCSXH, đến ngày 31/7/2022, tổng dư nợ của chương trình là 146 tỷ đồng, với hơn 3.200 khách hàng còn dư nợ, dư nợ bình quân là 45,5 triệu đồng/khách hàng. Nợ quá hạn của chương trình là 1,07 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,74% dư nợ; nợ khoanh là 1,63 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,12% dư nợ.

- Các chương trình trên đã giúp trên 3 triệu lượt hộ gia đình sản xuất kinh doanh, thương nhân vùng khó khăn được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại. Vốn cho vay ưu đãi được triển khai cho vay đến 100% xã thuộc khu vực khó khăn trong cả nước, đã khơi dậy được tiềm năng phát triển kinh tế của vùng, nhân dân có điều kiện phát triển những ngành nghề thế mạnh của địa phương, góp phần tạo việc làm, cải thiện thu nhập, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Trong những năm gần đây, theo báo cáo của NHCSXH, dư nợ của các chương trình tín dụng vùng khó khăn nêu trên có xu hướng giảm dần. Nguyên nhân xuất phát từ việc số lượng các đơn vị hành chính cấp xã vùng khó khăn theo quy định của cấp có thẩm quyền giảm nên đối tượng vay vốn ngày càng giảm, theo đó danh mục các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ bao gồm 3.815 xã, đến ngày 31/7/2022, danh mục các xã vùng khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ chỉ còn 1.712 xã, giảm 55,1%. Ngoài ra, mức vốn vay của các chương trình này so với mặt bằng chung của các chương trình tín dụng chính sách khác còn thấp, không còn phù hợp với tình hình thực tế trong bối cảnh giá cả các chi phí đầu vào thời gian qua ngày càng tăng cao.

2.2. Về các vướng mắc, hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn.

a) Về việc xác định vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92.

- Tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92 quy định vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách bao gồm các xã quy định trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện đến nay, Danh mục này đã nhiều lần được cập nhật, sửa đổi, bổ sung³; do đó cần thiết phải sửa đổi quy định này tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92 cho phù hợp với tình hình thực tế đã được sửa đổi, bổ sung thời gian qua.

- Có trường hợp đặc thù như huyện đảo Lý Sơn (thuộc tỉnh Quảng Ngãi) trước đây gồm 02 cấp hành chính (cấp huyện và cấp xã) và tất cả các xã thuộc huyện đảo này đều thuộc vùng khó khăn nên thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92 nêu trên. Tuy nhiên, từ ngày 10/01/2022, căn cứ Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi, huyện đảo Lý Sơn chỉ còn 01 đơn vị hành chính là cấp huyện (bỏ đơn vị hành chính cấp xã) nên theo quy định tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92, huyện đảo Lý Sơn không còn thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách mặc dù trên thực tế đời sống và tình hình kinh tế xã hội tại huyện đảo này còn gặp rất nhiều khó khăn, không khác so với trước khi có Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 nêu trên. Bên cạnh đó, huyện Côn Cò (thuộc tỉnh Quảng Trị) cũng là một huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nên cũng không được thụ hưởng chính sách.

Theo quy định tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025, *huyện đảo Côn Cò và huyện đảo Lý Sơn thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo*; tuy nhiên do tên đơn vị hành chính là “huyện” (huyện không có xã) nên nếu căn cứ quy định tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92 thì không thuộc đối tượng vay vốn chính sách tín dụng vùng khó khăn.

- Có trường hợp một số thôn không thuộc danh mục các xã vùng khó khăn, tuy nhiên lại thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định tại Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Do đó, việc quy định “vùng khó khăn” chỉ bao gồm các đơn vị hành chính cấp xã đã dẫn đến trường hợp các thôn đặc biệt khó khăn nhưng lại không được

³ Được cập nhật, sửa đổi bởi các Quyết định số 929/QĐ-TTg năm 2009, Quyết định số 1733/QĐ-TTg năm 2009, Quyết định số 1010/QĐ-TTg năm 2012, Quyết định số 1049/QĐ-TTg năm 2014, Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg, Quyết định số 1010/QĐ-TTg năm 2018.

thụ hưởng chính sách là không phù hợp với mục tiêu của chính sách tín dụng này.

b) Về đối tượng được vay vốn của chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn tại Quyết định số 31.

Quy định đối tượng thụ hưởng chính sách tại Quyết định số 31 hiện nay theo hướng “các hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo” để tránh việc các hộ gia đình đã được vay vốn sản xuất kinh doanh theo chương trình tín dụng hộ nghèo tiếp tục được vay vốn trùng lặp. Tuy nhiên, thực tế hiện nay có nhiều chương trình tín dụng cho hộ gia đình để sản xuất kinh doanh khác như chương trình tín dụng cho hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, chương trình cho vay giải quyết việc làm, chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. Do đó, để tránh việc cho vay trùng lặp cùng một khách hàng giữa các chương trình thì cần phải bổ sung làm rõ quy định đối tượng được vay vốn.

c) Về mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92.

- Theo quy định tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92, mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình và thương nhân là cá nhân là 30 triệu đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện, để phù hợp với tình hình thực tế, năm 2016 mức cho vay tối đa nêu trên đã được nâng lên mức 50 triệu đồng theo các Quyết định số 306/QĐ-TTg và Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Theo báo cáo của NHCSXH và thực tế khảo sát của Đoàn liên Bộ tại 03 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thanh Hóa cho thấy mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay 50 triệu đồng áp dụng từ năm 2016 đến nay còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn và không còn phù hợp với tình hình thực tế hiện nay do chi phí mua cây/con giống, nguyên vật liệu... các năm qua phục vụ sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng cao, chỉ số giá tiêu dùng hàng năm từ năm 2016 đến nay đều tăng (năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016, năm 2018 tăng 3,54%, năm 2019 tăng 2,79%, năm 2020 tăng 5,15%, năm 2021 tăng 2,78%).

- Thời gian qua, để phù hợp với tình hình thực tế, các chương trình tín dụng cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đều đã được điều chỉnh tăng mức vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay lên 100 triệu đồng/hộ; trong khi mức cho vay tối đa cho vay các hộ gia đình không phải hộ nghèo và thương nhân là cá nhân vùng khó khăn theo Quyết định số 31 và Quyết định số 92 vẫn ở mức là 50 triệu đồng từ năm 2016 mà chưa được điều chỉnh cho phù hợp với thực tế là chưa phù hợp.

- Do không đáp ứng đủ nhu cầu vay vốn nên thực tế thời gian qua có những hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân ngoài nguồn vốn vay từ NHCSXH tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92 thì tiếp cận thêm các nguồn vốn vay khác ngoài thị trường để bù đắp phần thiếu hụt, thậm chí vay vốn với lãi suất cao từ tín dụng đen dẫn đến đầu tư sản xuất kinh doanh của những hộ này không hiệu quả, rủi ro gây mất an ninh trật tự xã hội và ảnh hưởng tiêu cực đến

đời sống của người dân trên địa bàn và rủi ro cho chính nguồn vốn vay từ NHCSXH.

d) Về cơ chế xử lý rủi ro theo Quyết định số 31.

- Điều 11 Quyết định số 31 quy định theo hướng “việc xử lý rủi ro được thực hiện theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ...”.

- Tuy nhiên, hiện nay Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH và Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg). Do đó cần thiết phải sửa đổi nội dung dẫn chiếu quy định về xử lý rủi ro nêu trên cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Về lãi suất cho vay theo Quyết định số 31

- Theo quy định tại Quyết định số 31, lãi suất cho vay bằng 0,9%/tháng (tương đương lãi suất 10,8%/năm). Tuy nhiên thời gian qua, lãi suất cho vay đối với chương trình này đã 02 lần điều chỉnh giảm cho phù hợp với tình hình thực tế theo các quyết định cá biệt của Thủ tướng Chính phủ, gồm: Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 9/10/2013 điều chỉnh giảm xuống mức 0,8%/tháng (tương đương lãi suất 9,6%/năm) và xuống mức 0,75%/tháng (tương đương lãi suất 9%/năm) theo Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 1/6/2015. Do đó, để đảm bảo sự đồng bộ, pháp lý của chính sách, việc sửa đổi quy định tại dự thảo Quyết định theo mức lãi suất hiện hành là phù hợp.

- Ngoài ra, triển khai thực hiện Quyết định số 31 thời gian qua cho thấy việc quy định điều chỉnh lãi suất cho vay chương trình này do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên đề nghị của Bộ Tài chính không đảm bảo tính linh hoạt, chủ động của NHCSXH, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với bối cảnh thực tế.

3. Căn cứ cơ sở pháp lý, kết quả triển khai thực hiện và thực tiễn có những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện các chính sách tín dụng tại vùng khó khăn như đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ nêu trên, việc xây dựng, ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31 và Quyết định số 92 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH.

1. Mục đích: Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình tín dụng vùng khó khăn để đảm bảo công bằng, phù hợp với thực tiễn, vừa đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng, vừa góp phần hạn chế, đẩy lùi “tín dụng đen”, hỗ trợ người vay thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định.

- *Thứ nhất*, tuân thủ các quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Các tổ chức tín dụng, Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- *Thứ hai*, thực hiện theo đúng chủ trương, đường lối chính sách, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- *Thứ ba*, phù hợp với chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam, bao gồm cam kết quốc tế về việc thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu xóa đói giảm nghèo, đảm bảo cuộc sống lành mạnh cho người dân.

- *Thứ tư*, tiếp tục duy trì những nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 31 và Quyết định số 92, chỉ sửa đổi, bổ sung các nội dung phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH.

1. Trên cơ sở báo cáo của NHCSXH tại các văn bản số 3156/NHCS-TDSV ngày 10/6/2020, số 4431/NHCS-TDSV ngày 21/8/2020, số 11560/NHCS-KHNV ngày 17/12/2021, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định và có công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24/6/2022, công văn số 6166/BTC-TCNH ngày 28/6/2022 gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan liên quan và đăng lấy ý kiến công chúng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính theo quy định.

2. Sau khi hoàn thiện dự thảo Quyết định, song song với quá trình xin ý kiến và tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, từ ngày 11/8/2022 – 20/8/2022, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, ngành, Văn phòng Chính phủ và NHCSXH thành lập Đoàn khảo sát liên Bộ để đánh giá tình hình thực hiện chính sách tín dụng vùng khó khăn theo Quyết định số 31 và Quyết định số 92 tại 03 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thanh Hóa (Báo cáo kết quả khảo sát Đoàn liên Bộ trình kèm).

3. Trên cơ sở văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan và văn bản tổng hợp ý kiến công chúng của Cổng thông tin điện tử Chính phủ và kết quả khảo sát thực tế của Đoàn liên Bộ nêu trên, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định và có công văn số .../BTC-TCNH ngày .../.../2022 gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

4. Ngày .../.../2022, Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số .../BCTĐ-BTP đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định. Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định theo đúng quy định.

IV. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Về kết cấu của dự thảo Quyết định.

Dự thảo Quyết định gồm 04 Điều, cụ thể:

- Điều 1 quy định cụ thể các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31 về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

- Điều 2 quy định cụ thể các nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 92 về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

- Điều 3 quy định về điều khoản chuyển tiếp.

- Điều 4 quy định về điều khoản thi hành.

2. Về nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định.

2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định về “vùng khó khăn” tại Điều 2 Quyết định số 31 và Điều 2 Quyết định số 92:

- Quy định hiện hành về xác định “vùng khó khăn” theo Quyết định số 31 và Quyết định số 92: *“Vùng khó khăn” được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy định tại Quyết định này bao gồm các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn...”*

- Căn cứ những khó khăn, vướng mắc như đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại điểm 2.2 mục I Tờ trình này, để đảm bảo phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế, dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung xác định “vùng khó khăn” như sau:

“Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy định tại Quyết định này bao gồm:

(a) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn;

(b) Các huyện thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn;

(c) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn.”

2.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng và điều kiện vay vốn tại Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 31:

a) Về đối tượng vay vốn tại Quyết định số 31:

- Quy định hiện hành về đối tượng vay vốn tại Quyết định số 31:

“Các hộ gia đình theo quy định của Bộ luật Dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) không thuộc diện hộ nghèo (sau đây gọi chung là người vay vốn) thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

Chủ hộ gia đình là người đại diện cho hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi.”

- Căn cứ những khó khăn, vướng mắc như đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại điểm 2.2 mục I Tờ trình này, để đảm bảo chặt chẽ và phù hợp tình hình thực tế, dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung về “đối tượng vay vốn” của chương trình như sau:

“Các hộ gia đình theo quy định của Bộ Luật Dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm tại vùng khó khăn theo quy định tại Điều 2 và đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 4 Quyết định này (sau đây gọi chung là người vay vốn).

Người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của các thành viên trong hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi.”

b) Về bổ sung điều kiện vay vốn tại dự thảo Quyết định:

Như đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại điểm 2.2 mục I Tờ trình này, để tránh cho vay trùng lặp giữa các chương trình tín dụng chính sách, dự thảo Quyết định bổ sung thêm 02 điều kiện cho vay tại Điều 4 Quyết định số 31 như sau:

“Người vay vốn không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại Ngân hàng Chính sách xã hội.”

2.3. Sửa đổi, bổ sung quy định về mức vốn cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay tại Điều 7, 10 Quyết định số 31 và Điều 8, 12 Quyết định số 92:

- Quy định hiện hành về mức vốn cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo Quyết định số 31 và Quyết định số 92:

+ Điều 7 và 10 Quyết định số 31 quy định:

“Mức vốn cho vay đối với một hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tối đa là 30 triệu đồng⁴. Trong một số trường hợp cụ thể, mức vốn vay của một hộ có thể trên 30 triệu đồng, giao Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào khả năng nguồn vốn, nhu cầu đầu tư và khả năng trả nợ của hộ sản xuất, kinh doanh, để

⁴ Đã được nâng mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay lên 50 triệu đồng theo Quyết định số 306/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

quy định mức cho vay cụ thể, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng...” (Điều 7 về mức cho vay)

“Người vay vốn đến 30 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Người vay vốn từ trên 30 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay...” (Điều 10 về bảo đảm tiền vay)

+ Điều 8 và 12 Quyết định số 92 quy định:

“Mức vốn cho vay thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế tối đa là 30 triệu đồng⁵. Mức vốn cho vay thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và kê khai nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật tối đa là 100 triệu đồng. Mức vốn cho vay thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp tối đa là 500 triệu đồng.” (Điều 8 về mức cho vay)

“Thương nhân vay vốn đến 30 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Thương nhân vay vốn trên 30 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay...” (Điều 12 về bảo đảm tiền vay)

- Để phù hợp với tình hình thực tế, năm 2016 mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay nêu trên đã được nâng lên mức 50 triệu đồng theo các Quyết định số 306/QĐ-TTg và Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, với tồn tại, vướng mắc báo cáo tại điểm 2.2 mục I Tờ trình này, để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và đồng bộ với các chương trình tín dụng chính sách khác đang triển khai tại NHCSXH như cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đã được nâng mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay lên 100 triệu đồng/hộ thời gian qua:

+ Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung về nâng mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay tại Quyết định số 31 lên 100 triệu đồng/người vay vốn như sau:

“Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/người vay vốn.” (Sửa đổi Điều 7 về mức cho vay)

“Người vay vốn không phải thực hiện bảo đảm tiền vay” (Sửa đổi Điều 10 về bảo đảm tiền vay)

Quy định nêu trên là phù hợp với các chương trình tín dụng hiện hành của NHCSXH, trong đó đối với cho vay cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh trong nước thì mức cho vay tối đa mới đang ở mức tối đa 100 triệu đồng và không phải thực hiện bảo đảm tiền vay, chưa có chương trình cho vay cao hơn.

+ Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung về nâng mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay tại Quyết định số 92 lên 100 triệu đồng/người vay vốn như sau:

⁵ Đã được nâng mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay lên 50 triệu đồng theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

“Đối với thương nhân là cá nhân: Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/cá nhân. Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp: Mức vốn cho vay tối đa là 1 tỷ đồng/tổ chức.” (Sửa đổi Điều 8 về mức cho vay)

“Thương nhân vay vốn đến 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Thương nhân vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.” (Sửa đổi Điều 12 về bảo đảm tiền vay)

Quy định nêu trên là phù hợp với các chương trình tín dụng hiện hành của NHCSXH, trong đó đối với cho vay cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh trong nước thì mức cho vay tối đa mới đang ở mức tối đa 100 triệu đồng và không phải thực hiện bảo đảm tiền vay, chưa có chương trình cho vay cao hơn. Đối với cho vay tổ chức thì có chương trình cho vay giải quyết việc làm theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2015/NĐ-CP đã có mức cho vay tối đa đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh lên tới 02 tỷ đồng/dự án (vay 100 triệu trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay); do đó việc nâng mức cho vay tối đa đối với thương nhân là tổ chức kinh tế hoạt động tại vùng khó khăn lên 1 tỷ đồng/tổ chức là vẫn trong phạm vi của các chương trình tín dụng khác tại NHCSXH và mức vay từ 100 triệu trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay cho chặt chẽ.

2.4. Ngoài các nội dung chính nêu trên, để đảm bảo sự đồng bộ chính sách, cơ sở pháp lý cụ thể và chặt chẽ, linh hoạt hơn, tránh những tồn tại, hạn chế đã báo cáo tại điểm 2.2 mục I Tờ trình này, dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến xử lý rủi ro, lãi suất vay vốn tại Quyết định số 31, cụ thể như sau:

a) Về xử lý rủi ro: Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau: *“Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.”*

b) Về lãi suất cho vay: Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau: *“Lãi suất cho vay bằng 9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội. Lãi suất cho vay đảm bảo nguyên tắc bù đắp lãi suất bình quân các nguồn vốn và phí quản lý đối với Chương trình này. Trong đó, lãi suất bình quân các nguồn vốn và phí quản lý xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.”* Mức lãi suất cho vay 9%/năm đã được quy định tại Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tại Dự thảo Quyết định chỉ sửa đổi lại quy định tại Quyết định số 31 để đảm bảo thống nhất.

V. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế: Dự thảo Quyết định không có quy định trái với các cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, trong đó có cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Hiệp định đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

2. Về thủ tục hành chính: Dự thảo Quyết định không quy định thủ tục hành chính thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính.

3. Về vấn đề bình đẳng giới: Dự thảo Nghị định không quy định các nội dung tạo ra sự phân biệt về giới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Về nhân lực:

Dự kiến sau khi Quyết định được ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định có trách nhiệm thi hành, trong đó:

- NHCSXH chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Quyết định. NHCSXH sử dụng bộ máy, nguồn nhân lực có sẵn của hệ thống để triển khai thi hành Quyết định, không phát sinh nhu cầu tuyển dụng số lượng lớn người lao động để thực hiện nhiệm vụ.

- Các cơ quan có liên quan (Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW...) chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định. Trong đó, chú trọng vào đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật sau khi Quyết định ban hành, tránh trường hợp pháp luật có quy định nhưng người dân không được tiếp cận để áp dụng trên thực tế. Các bộ, ngành sử dụng nguồn nhân lực có sẵn để thực hiện các công việc.

2. Về nguồn lực tài chính:

- Nguồn kinh phí để tổ chức thi hành Quyết định (trong đó có kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật) và sửa đổi, bổ sung Quyết định (nếu có) được dự toán và lấy từ nguồn kinh phí chi hoạt động thường xuyên hàng năm của Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

- Về nguồn lực để NHCSXH cho vay các chương trình:

+ Theo báo cáo của NHCSXH, kế hoạch dư nợ cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn đến 31/12/2025 ước đạt 26.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,8%/tổng dư nợ của NHCSXH; kế hoạch dư nợ cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn đến 31/12/2025 ước đạt 553 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,2%/tổng dư nợ của NHCSXH. Về cơ bản, dư nợ của các chương trình tín dụng tại vùng khó khăn chỉ duy trì ở mức tương đương hiện nay. NHCSXH tiếp tục sử dụng nguồn vốn hiện có của ngân hàng, cân đối các nguồn vốn thu hồi nợ đến hạn và vốn thu hồi từ những địa bàn không còn tiếp tục được thụ hưởng chương trình để đáp ứng nhu cầu cho vay phát sinh, Nhà nước không cần

cấp bổ sung vốn cho các chương trình tín dụng vùng khó khăn. *(Chi tiết tính toán dự kiến nguồn vốn cho vay tại Phụ lục kèm theo)*

+ Việc điều chỉnh mức cho vay tối đa của các chương trình tín dụng vùng khó khăn vẫn trên cơ sở đảm bảo: (i) Nằm trong kế hoạch tăng trưởng tín dụng hằng năm được Thủ tướng Chính phủ giao; (ii) Phù hợp với khả năng huy động vốn và cho vay của NHCSXH.

- Về nguồn lực cấp bù lãi suất và phí quản lý cho NHCSXH để thực hiện chính sách: Hiện nay, lãi suất cho vay hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn là 9%/năm (là chương trình có mức lãi suất cho vay cao nhất hiện nay tại NHCSXH) cao hơn bình quân chi phí vốn (khoảng 3,78%/năm) và phí quản lý (khoảng 3,54%/năm); đồng thời việc sửa đổi quy định tại các Quyết định cũng chỉ để phù hợp với mức lãi suất hiện hành nêu trên, không phải tiếp tục giảm lãi suất. Vì vậy, ngân sách nhà nước không phải cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho các Chương trình này. Ngược lại, nguồn thu lãi của các chương trình tín dụng tại vùng khó khăn đang góp phần làm giảm số cấp bù lãi suất và phí quản lý của ngân sách nhà nước đối với NHCSXH. Theo kế hoạch tài chính và tín dụng trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của NHCSXH, chênh lệch từ hoạt động thu lãi sau khi trừ chi phí vốn và phí quản lý của NHCSXH sẽ góp phần giảm cấp bù của ngân sách cho NHCSXH qua các năm là 1.035 tỷ đồng (trong đó: năm 2021: 226 tỷ đồng, năm 2022: 258 tỷ đồng, năm 2023: 189 tỷ đồng, năm 2024: 176 tỷ đồng, năm 2025: 186 tỷ đồng).

VII. VỀ Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP.

1. Về ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan

- Cơ bản các Bộ, ngành liên quan đều thống nhất với dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định; một số ý kiến tham phù hợp của các Bộ, ngành liên quan và kiến nghị của đoàn khảo sát liên Bộ liên quan đến bổ sung thêm là rõ nguyên nhân của dư nợ chương trình có xu hướng giảm dần, đánh giá về chất lượng tín dụng của chương trình, bổ sung quy định loại trừ đối tượng hộ gia đình đã được vay vốn chương trình trong được liệu tại Nghị định số 28/2022/ND-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ thì không thuộc đối tượng vay vốn của chương trình này để tránh trùng lặp, đánh giá cụ thể hơn mức vay hiện hành chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của hộ gia đình..., bổ sung phạm vi xác định vùng khó khăn, các trường hợp đặc thù thực tế, mức cho vay tối đa, tài sản đảm bảo, xử lý rủi ro của chương trình... Bộ Tài chính xin tiếp thu, hoàn thiện trực tiếp vào dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Một số ý kiến tham gia khác của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Tài chính xin tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại “*Bảng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các Bộ, ngành liên quan và Đoàn khảo sát*” trình kèm Tờ trình này.

- Riêng đối với quy định về mức vốn cho vay tối đa, Bộ Tài chính xin báo cáo bổ sung như sau:

+ Mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay là 100 triệu đồng như Dự thảo Quyết định quy định hiện nay là giống như bản gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành và đã được các Bộ, ngành nhất trí.

+ Tại bản dự thảo gửi lấy ý kiến Bộ, ngành trước đây cũng có đề xuất mức cho vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình là từ 100 triệu đồng đến tối đa 200 triệu đồng và đối với thương nhân là cá nhân có sổ sách kế toán là tối đa 200 triệu đồng. Tuy nhiên, qua rà soát các chương trình tín dụng hiện hành của NHCSXH thì các mức cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất kinh doanh, làm việc trong nước thì đều có mức cho vay tối đa không quá 100 triệu đồng (không phải thực hiện bảo đảm tiền vay), không có trường hợp được cho vay cao hơn có bảo đảm tiền vay. Do đó, để đảm bảo đồng bộ với các quy định pháp luật hiện hành thì tại Dự thảo Quyết định này đã điều chỉnh thống nhất mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình và thương nhân là cá nhân đều là 100 triệu đồng (không có trường hợp vay cao hơn).

2. Về ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp:

Ngày .../.../2022, Bộ Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số .../BCTD-BTP đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định. Bộ Tài chính đã tiếp thu toàn bộ ... ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ. Các nội dung tiếp thu, giải trình thêm được Bộ Tài chính báo cáo cụ thể tại “*Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp*” trình kèm Tờ trình này.

VIII. KIẾN NGHỊ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Từ tình hình nêu trên, Bộ Tài chính đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn (dự thảo Quyết định trình kèm). Bộ Tài chính xin kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./

(Xin gửi kèm theo: (i) Dự thảo Quyết định; (ii) Báo cáo thẩm định và báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (iii) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Quyết định; (iv) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu VT, TCNH (N.D.Linh - b).

BỘ TRƯỞNG

HỒ ĐỨC PHÓC

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục:

DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG TẠI VÙNG KHÓ KHĂN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2022 của Bộ Tài chính)

1. Đối với Chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg

Ngày 04/6/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 861/QĐ-TTg phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025. Theo đó, phê duyệt danh sách 3.434 xã thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi trên địa bàn 51 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm: 1.673 xã khu vực I, 210 xã khu vực II và 1.551 xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn). Theo quy định hiện hành, các hộ sinh sống tại các xã khu vực III, khu vực II sẽ được thụ hưởng chương trình tín dụng chính sách này. Tuy nhiên, hiện nay đối tượng thụ hưởng Chương trình ngày càng thu hẹp, do các xã khu vực này được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Tổng số hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn còn dư nợ tại NHCSXH đến ngày 31/12/2022 khoảng 640 nghìn hộ, dư nợ bình quân khoảng 40 triệu đồng/hộ. Trong đó, dự kiến có khoảng 569 nghìn lượt hộ đến hạn và trả nợ trong 5 năm (2021-2025), với số tiền 22.750 tỷ đồng (bình quân dư nợ là 40 triệu đồng/hộ).

Bên cạnh đó, theo số liệu tổng hợp từ các địa phương, hiện nay có khoảng trên 850 nghìn hộ gia đình đang sinh sống tại vùng khó khăn theo Quyết định 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn. Trong đó số hộ gia đình sản xuất kinh doanh đủ điều kiện vay vốn nhưng chưa được vay vốn NHCSXH còn khoảng 150 nghìn hộ; số hộ đến hạn trả nợ nhưng vẫn thuộc đối tượng thụ hưởng và muốn nâng mức cho vay khoảng 200 nghìn hộ.

Giai đoạn 2021-2025, NHCSXH sẽ tập trung thu hồi những hộ vay chương trình này nhưng không còn thuộc xã vùng khó khăn để đầu tư vay mới và nâng mức cho vay đối với 350 nghìn hộ có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn. Nếu mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay của chương trình tăng lên 100 triệu đồng/hộ (gấp 2 lần mức cho vay tối đa hiện nay), mức cho vay bình quân giai đoạn 2021-2025 dự kiến tăng lên khoảng 65 triệu đồng/hộ (xấp xỉ gấp 1,8 lần mức cho vay bình quân đến cuối năm 2020). Với mức cho vay bình quân như trên, giai đoạn 2021-2025, tổng nguồn vốn cho vay chương trình dự kiến 22.750 tỷ đồng từ nguồn vốn thu hồi nợ đến hạn của Chương trình đã đáp ứng đủ nhu cầu cho các đối tượng thụ hưởng Chương trình.

Đối với những hộ gia đình sinh sống tại 1.307 thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (bao gồm 1.184 thôn của xã khu vực I và 123 thôn của các xã có thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) nếu có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn thì sẽ được vay từ nguồn tăng trưởng dư nợ hàng năm được Thủ tướng Chính phủ giao.

Kế hoạch dư nợ cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn đến 31/12/2025 ước đạt 26.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,8%/tổng dư nợ của NHCSXH.

2. Đối với Chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg

Theo số liệu tổng hợp báo cáo của các địa phương, giai đoạn 2021-2025 có khoảng 15 nghìn thương nhân đang hoạt động thương mại tại vùng khó khăn có nhu cầu vay vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ. Trong giai đoạn này, NHCSXH ước thu nợ bình quân hàng năm đạt khoảng 50%/ dư nợ của cuối năm trước, tương ứng với số tiền là 130 tỷ đồng và NHCSXH dự kiến sử dụng số vốn thu hồi này để cho vay quay vòng. Với mức đầu tư bình quân khoảng 65 triệu đồng/khách hàng, NHCSXH dự kiến đầu tư cho khoảng 15 nghìn khách hàng có nhu cầu vay vốn của cả giai đoạn với tổng nguồn vốn là 990 tỷ đồng (trong đó: 650 tỷ đồng từ nguồn vốn thu hồi này để cho vay quay vòng; 340 tỷ đồng từ nguồn vốn tăng trưởng theo chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm). Dư nợ Chương trình đến cuối năm 2025 đạt 553 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,2%/tổng dư nợ của NHCSXH.

Số: /2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/ND-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Vùng khó khăn

1. Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy định tại Quyết định này bao gồm:

a) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục các đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn;

b) Các huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nhưng thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn;

c) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn.

2. Các đơn vị hành chính thành lập trên cơ sở chia, tách, sáp nhập các đơn vị hành chính thuộc các Danh mục nêu tại Khoản 1 Điều này cũng được hưởng chính sách tín dụng theo Quyết định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Đối tượng được vay vốn

1. Các hộ gia đình theo quy định của Bộ Luật Dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm tại vùng khó khăn theo quy định tại Điều 2 và đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 4 Quyết định này (sau đây gọi chung là người vay vốn).

2. Người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của các thành viên trong hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi.”

3. Bổ sung Khoản 4 và Khoản 5 Điều 4 như sau:

“4. Người vay vốn không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Người vay vốn không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại Ngân hàng Chính sách xã hội.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Mức vốn cho vay

Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/người vay vốn.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay bằng 9%/năm.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

3. Việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Lãi suất cho vay đảm bảo nguyên tắc bù đắp lãi suất bình quân các nguồn vốn và phí quản lý đối với Chương trình này. Trong đó, lãi suất bình quân

các nguồn vốn và phí quản lý xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Bảo đảm tiền vay

Người vay vốn không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Xử lý rủi ro

Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Vùng khó khăn

1. Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với thương nhân quy định tại Quyết định này bao gồm:

a) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục các đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn;

b) Các huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã nhưng thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn;

c) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn.

2. Các đơn vị hành chính thành lập trên cơ sở chia, tách, sáp nhập các đơn vị hành chính thuộc các Danh mục nêu tại Khoản 1 Điều này cũng được hưởng chính sách tín dụng theo Quyết định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Mức vốn cho vay

1. Đối với thương nhân là cá nhân: Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/cá nhân.

2. Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật: Mức vốn cho vay tối đa là 1 tỷ đồng/tổ chức.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Bảo đảm tiền vay

1. Thương nhân vay vốn đến 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

2. Thương nhân vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.”

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì các bên tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp người vay vốn đang vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội nay không còn thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo các cam kết, quyền hạn, trách nhiệm ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Chính sách xã hội cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BICN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Khái

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn như sau:

I. Kết quả thực hiện các chương trình tín dụng tại vùng khó khăn

1. Chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Từ khi thực hiện chương trình đến 31/7/2022, tổng doanh số cho vay đạt 88.115 tỷ đồng, với hơn 3,1 triệu lượt hộ được vay vốn. Mức cho vay bình quân một hộ nâng từ 15 triệu đồng/hộ (năm 2007) lên 45 triệu đồng/hộ (tháng 7/2022).

- Tổng doanh số thu nợ đạt 45.779 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ của chương trình đến ngày 31/7/2022 là 25.810 tỷ đồng, với hơn 656 ngàn khách hàng còn dư nợ, dư nợ bình quân 35,8 triệu đồng/hộ.

- Về chất lượng tín dụng: Cùng với việc tăng trưởng, chất lượng tín dụng của chương trình được đảm bảo. Đến ngày 31/7/2022, nợ quá hạn của chương trình là 50,114 tỷ đồng, chiếm 0,19% dư nợ của chương trình; nợ khoanh là 125,038 tỷ đồng, chiếm 0,48% dư nợ của chương trình. Điều này thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của hộ vay, sự nỗ lực của NHCSXH, tổ chức Hội đoàn thể và Tổ TK&VV, sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện chương trình.

2. Chương trình tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Từ khi thực hiện chương trình đến ngày 31/7/2022, tổng doanh số cho vay đạt 1.633 tỷ đồng, với 46.247 lượt khách hàng được vay vốn. Mức cho vay bình quân một khách hàng tăng từ 33 triệu đồng (năm 2009) lên 50 triệu đồng (tháng 7/2022).

- Tổng doanh số thu nợ đạt 1.485 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ của chương trình đến ngày 31/7/2022 là 146,1 tỷ đồng, với hơn 3.202 khách hàng còn dư nợ. Dư nợ bình quân 45,5 triệu đồng/khách hàng.

- Về chất lượng tín dụng: Đến ngày 31/7/2022, nợ quá hạn của chương trình là 1,075 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,74% dư nợ của chương trình; nợ khoanh là 1,628 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,11% dư nợ của chương trình.

3. Về rủi ro tín dụng đối với chương trình tín dụng hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn

3.1. Về nợ quá hạn, nợ khoanh của 02 chương trình

Kể từ khi triển khai chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn năm 2007 và chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn năm 2009 đến nay. Tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh của cả 2 chương trình đều ở mức thấp, cụ thể:

- Chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn: Đến thời điểm 31/7/2022, tổng dư nợ 25.985 tỷ đồng, nợ quá hạn là 50,1 tỷ đồng, nợ quá hạn của chương trình là 50,114 tỷ đồng, chiếm 0,19% dư nợ của chương trình; nợ khoanh là 125,038 tỷ đồng, chiếm 0,48% dư nợ của chương trình. Giai đoạn 2016-2021, tỷ lệ nợ quá hạn bình quân là 0,23%/tổng dư nợ, tỷ lệ nợ khoanh bình quân là 0,39%/tổng dư nợ.

- Chương trình thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn: Đến ngày 31/7/2022 tổng dư nợ là 188.261 triệu đồng, nợ quá hạn 1,075 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,74% dư nợ của chương trình; nợ khoanh là 1,628 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,11% dư nợ của chương trình. Giai đoạn 2016-2021, tỷ lệ nợ quá hạn bình quân là 0,93%/tổng dư nợ, tỷ lệ nợ khoanh bình quân là 0,3%/tổng dư nợ.

3.2. Về xử lý nợ bị rủi ro của 02 chương trình

Xử lý nợ xóa thực tế giai đoạn 2016-2022 của chương trình: Tổng số nợ xóa 79.122 triệu đồng. Năm 2022: Từ đầu năm đến 31/7/2022, tổng số nợ xóa của chương trình đang trình Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH là 5.454 triệu đồng, dự kiến đến hết 31/12/2022, tổng số nợ xóa bằng năm 2021 là 9.130 triệu đồng.

Xử lý nợ xóa thực tế giai đoạn 2016-2022 của chương trình: Tổng số nợ xóa 1.868 triệu đồng. Năm 2022: Từ đầu năm đến 31/7/2022, tổng số nợ xóa của chương trình đang trình Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH là 77 triệu đồng, dự kiến đến hết 31/12/2022, tổng số nợ xóa bằng năm 2021 là 124 triệu đồng.

II. Đánh giá chung về kết quả thực hiện các chương trình tín dụng tại vùng khó khăn

1. Đánh giá về hiệu quả thực hiện chương trình

- Việc ban hành chính sách tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động tại vùng khó khăn là cần thiết, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với hệ thống chính sách của Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội tại vùng khó khăn; góp phần thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng trưởng kinh tế đồng đều giữa các vùng và thu hẹp dần khoảng cách giữa các vùng trong cả nước. Thông qua chương trình tín dụng này, một mặt, tách tín dụng chính sách ra khỏi tín dụng thương mại, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại nhà nước chuyển sang kinh doanh theo cơ chế thị trường; mặt khác, tạo điều kiện hỗ trợ cho các hộ gia đình, thương nhân hoạt động tại vùng khó khăn được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ với thủ tục vay vốn đơn giản, thuận lợi nhằm thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

- Với mô hình tổ chức, phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xác hội và cách thức tác nghiệp đặc thù, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nên ngay sau khi chính sách được ban hành, NHCSXH đã có văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, từ đó chính sách đã nhanh chóng đi vào cuộc sống, được cấp ủy chính quyền địa phương và người dân phấn khởi đón nhận và đồng tình ủng hộ, tạo được niềm tin của nhân dân với các chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Việc triển khai đồng bộ chương trình tín dụng đối với vùng khó khăn đã đem lại hiệu quả thiết thực, giúp người dân có nguồn vốn để sản xuất, kinh doanh, góp phần quan trọng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã thuộc vùng khó khăn, cụ thể:

+ Chương trình đã giúp trên 3,1 triệu lượt hộ gia đình sản xuất kinh doanh và thương nhân vùng khó khăn được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại.

+ Vốn cho vay ưu đãi được triển khai cho vay đến 100% xã thuộc khu vực khó khăn trong cả nước, đã khơi dậy được tiềm năng phát triển kinh tế của vùng, nhân dân có điều kiện phát triển những ngành nghề thế mạnh của địa phương như: phát triển vườn đồi, kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy, hải sản... góp phần tạo việc làm, cải thiện thu nhập, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

+ Cho vay vốn đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn đã góp phần tạo việc làm ổn định cho

nhiều lao động địa phương, xây dựng được nhiều mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, đem lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững. Tạo điều kiện cho các thương nhân đẩy mạnh hoạt động thương mại, tiêu thụ, lưu thông hàng hóa bao gồm cả nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, góp phần phát triển kinh tế, thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới tại vùng khó khăn.

2. Đánh giá về cơ chế tài chính, cơ chế lãi suất

- Cơ chế tài chính đang được hoàn thiện theo hướng ổn định: NHCSXH đã chủ động đề nghị các bộ, ngành tham mưu trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung cơ chế quản lý tài chính phù hợp với thực tế hoạt động của NHCSXH từng thời kỳ. Ngày 31/7/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH. Việc sửa đổi cơ chế quản lý tài chính đã tác động tích cực đến hoạt động của NHCSXH: nâng cao chất lượng tín dụng; sử dụng vốn có hiệu quả, từng bước đáp ứng nhu cầu vay vốn cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; trích lập dự phòng rủi ro chung được điều chỉnh cơ bản đáp ứng được một phần nhu cầu quản lý và xử lý nợ rủi ro; mức phí quản lý của NHCSXH được Bộ Tài chính xác định trình Thủ tướng Chính phủ giao ổn định theo từng giai đoạn (03 năm) theo hướng giảm dần.

- Cơ chế lãi suất: Lãi suất cho vay áp dụng đối với chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh, thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn là mức lãi suất tiếp cận dần với lãi suất thị trường, phù hợp với đối tượng vay vốn là những hộ gia đình, thương nhân không thuộc diện hộ nghèo, do đó đã có sự phân biệt rõ rệt đối với từng nhóm đối tượng đang thụ hưởng các chính sách tín dụng tại NHCSXH. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay đối với 02 chương trình tín dụng tại vùng khó khăn cũng được điều chỉnh giảm phù hợp với diễn biến lãi suất trên thị trường, đã tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, thương nhân thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn trong quá trình sử dụng vốn.

3. Đánh giá về phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách

Phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù, hiệu quả, phù hợp với hệ thống chính trị của Việt Nam. NHCSXH đã xây dựng phương thức cho vay ủy thác tín dụng chính sách xã hội hiệu quả, phát huy được vai trò và sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị trong công tác tín dụng chính sách xã hội, thông qua hình thức: phân công, phân cấp trách nhiệm trong việc xác định hộ nghèo và các đối tượng chính sách đủ điều kiện vay vốn; thực hiện dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư; kết hợp sự tham gia của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác với vai trò giám sát xã hội và làm ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình nghiệp vụ tín dụng chính sách. Phương thức này thể hiện tính ưu việt riêng có của Việt Nam, là hướng đi đúng đắn, huy động được sức

manh của cộng đồng và toàn xã hội, giúp cho việc chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến đúng đối tượng thụ hưởng kịp thời, hiệu quả.

Xây dựng và duy trì ổn định hoạt động tại các Điểm giao dịch xã đã tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, đảm bảo hoạt động tín dụng chính sách xã hội dân chủ, công khai với cách thức “giao dịch tại nhà, giải ngân, thu nợ tại xã”. Thông qua hoạt động của Tổ giao dịch tại Điểm giao dịch xã, NHCSXH đã đưa vốn tín dụng chính sách đến tận tay người nghèo và các đối tượng chính sách một cách nhanh nhất, hạn chế được tiêu cực phát sinh trong hoạt động cho vay ưu đãi; đồng thời, tiết giảm được chi phí đi lại cho người dân, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận và làm quen với các dịch vụ ngân hàng. Việc tổ chức giao dịch tại xã của NHCSXH được cấp ủy, chính quyền các cấp và nhân dân đồng tình ủng hộ. Nhờ có các biện pháp triển khai đồng bộ, sát thực tế và được sự quan tâm, tạo điều kiện của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, đặc biệt, là chính quyền cấp xã, đến nay, NHCSXH đã tổ chức được 10.426 Điểm giao dịch ở hầu hết các xã, phường, thị trấn trong cả nước.

Mạng lưới Tổ TK&VV có vai trò quan trọng trong hoạt động của NHCSXH, là cánh tay nối dài của NHCSXH trong thực hiện tín dụng chính sách xã hội, là cầu nối giữa ngân hàng với người vay vốn, đã góp phần chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ đến với các đối tượng được thụ hưởng kịp thời, tiết giảm tối đa chi phí cho người vay. Đến nay, NHCSXH phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác quản lý gần 173 nghìn Tổ TK&VV đến 100% thôn, ấp, bản, làng, phum, sóc, tổ dân phố... trên cả nước. Thông qua hoạt động của Tổ TK&VV và áp dụng phương thức giải ngân trực tiếp đến từng người vay vốn, NHCSXH đã chuyển tải vốn tín dụng chính sách của Nhà nước đến tận tay người thụ hưởng một cách nhanh chóng, thuận lợi, bảo đảm công khai, dân chủ.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai

4.1. Về mức vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay

Khi ban hành Chương trình, mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình và thương nhân là cá nhân là 30 triệu đồng. Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định nâng mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay từ mức 30 triệu lên 50 triệu đồng (Quyết định số 306/QĐ-TTg, Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 26/02/2016).

Mặc dù mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay đã được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh. Tuy nhiên, so với tình hình thực tế, thì mức cho vay hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn. Các đối tượng thụ hưởng phải tiếp cận thêm các nguồn vốn khác ngoài thị trường, thậm chí vay vốn với lãi suất cao, khiến cho việc đầu tư không hiệu quả.

4.2. Về địa bàn thôn đặc biệt khó khăn

Theo quy định tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, đơn vị hành chính để thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn là cấp xã.

Đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn được quy định tại Điều 1, Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, theo đó tại Khoản 1, Điều 1 quy định đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn bao gồm các xã thuộc khu vực II, III ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg, và hiện nay là Quyết định số 861/QĐ-TTg. Các xã khu vực III, khu vực II đã được phê duyệt tại Quyết định này nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I và thôi hưởng các chính sách áp dụng đối với xã khu vực III, khu vực II kể từ ngày Quyết định của cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có hiệu lực.

Như vậy, đối với những thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK) thuộc các xã khu vực I hoặc xã thuộc khu vực II, III đạt chuẩn lên nông thôn mới thì sẽ không còn được hưởng chính sách tín dụng tại vùng khó khăn mặc dù vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác về thôn đặc biệt khó khăn.

4.3. Về việc xác định vùng khó khăn đối với huyện đảo Côn Cỏ và huyện đảo Lý Sơn

Tại khoản 4 Điều 1, Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn quy định đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn bao gồm “*Các xã có tên trong danh sách ban hành kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020...*”

Ngày 15/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 353/QĐ-TTg về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025. Theo đó, tại phụ lục II danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 353/QĐ-TTg, thì huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi và huyện đảo Côn Cỏ, tỉnh Quảng Trị thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, NHCSXH khó khăn trong việc xác định huyện Lý Sơn và huyện đảo Côn Cỏ (không có đơn vị hành chính cấp xã) có được xác định là đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn theo Điều 1, Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ để thụ hưởng các chương trình tín dụng chính sách tại vùng khó khăn hay không.

5. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

- Thứ nhất, quy mô sản xuất, kinh doanh của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và thương nhân vùng khó khăn ngày càng nâng lên, gắn với quy hoạch phát triển vùng; ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật hiện đại; sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị giá trị sản phẩm... đòi hỏi chi phí đầu tư máy móc, dây chuyền sản xuất, trang thiết bị, mua cây/con giống, nguyên vật liệu... phục vụ

sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng. Trong khi đó, biến động giá cả thị trường tăng lên hằng năm (chỉ số giá tiêu dùng đều tăng qua các năm: năm 2021 tăng 2,78% so với năm 2020; năm 2020 tăng 5,15% so với năm 2019; năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018; năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017; năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016). Do đó, với mức cho vay tối đa như hiện nay, cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động chưa đủ vốn để đầu tư mà phải tiếp cận với nhiều nguồn vốn khác ngoài thị trường, thậm chí vay vốn với lãi suất cao, khiến cho việc đầu tư không hiệu quả.

- Thứ hai, thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội khóa XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trong đó có nhiệm vụ "*Xây dựng, ban hành tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển đảm bảo toàn diện, khách quan, khoa học, chính xác, làm cơ sở xác định đối tượng, địa bàn cần ưu tiên tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm*". Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, do đó danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 1010/QĐ-TTg cũng đã giảm đi rất nhiều.

Trên đây là Báo cáo của Bộ Tài chính về kết quả thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn theo Quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- NHCSXH;
- Lưu VT, TCNH (N.D.Linh - b).

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phúc

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

(V/v dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn)

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

- Hiện nay, chính sách tín dụng tại vùng khó khăn được Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) triển khai thực hiện bao gồm: (i) Tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 18/11/2019, Quốc hội khóa XIV ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi (về cơ bản vùng khó khăn thuộc khu vực này) giai đoạn 2021-2030. Quốc hội đã chỉ đạo cần tiếp tục nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức phát triển sản xuất, kinh doanh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên cơ sở thực hiện giải pháp đổi mới, mở rộng chính sách tín dụng của NHCSXH theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay.

- Trong quá trình triển khai thực hiện NHCSXH cũng báo cáo những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế về quy định chính sách tín dụng tại vùng khó

khăn như: (i) Việc xác định vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách; (ii) Đối tượng được vay vốn của chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg; (iii) Mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay; (iv) Lãi suất cho vay; (v) Biện pháp bảo đảm tiền vay của chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg.

- Từ bối cảnh nêu trên, rất cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các chính sách tín dụng tại vùng khó khăn của NHCSXH.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể: Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg là nhằm xử lý các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình này thời gian qua để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, vừa đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng, vừa góp phần hạn chế, đẩy lùi “tín dụng đen”, hỗ trợ người vay thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

2.2. Mục tiêu cụ thể: Hoàn thiện các quy định về: (i) vùng khó khăn; (ii) đối tượng vay vốn; (iii) mức vốn cho vay tối đa; (iv) lãi suất cho vay; (v) bảo đảm tiền vay; (vi) xử lý rủi ro.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề cần giải quyết:

1.1. Về quy định xác định vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách:

- Tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg quy định vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách bao gồm các xã trong Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện đến nay, Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn đã nhiều lần được cập nhật, sửa đổi. Do đó, quy định danh mục theo một quyết định cụ thể nêu trên chưa bám sát với thực tế thay đổi.

- Có trường hợp các huyện (Cồn Cỏ, Lý Sơn) thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành¹, tuy nhiên do tên đơn vị hành chính là “huyện” (huyện không có xã) nên không thuộc đối tượng vay vốn chính sách tín dụng vùng khó khăn.

- Có trường hợp một số thôn không thuộc danh mục các xã vùng khó khăn, tuy nhiên lại thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn². Do đó việc quy định “vùng khó khăn” chỉ

¹ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

² Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

bao gồm các đơn vị hành chính cấp xã đã dẫn đến trường hợp các thôn đặc biệt khó khăn nhưng lại không được thụ hưởng chính sách.

1.2. Về đối tượng được vay vốn của chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg: Quy định đối tượng hiện nay theo hướng “các hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo” để tránh việc các hộ gia đình đã được vay vốn sản xuất kinh doanh theo chương trình tín dụng hộ nghèo tiếp tục được vay vốn trùng lặp. Tuy nhiên, thực tế hiện nay có nhiều chương trình tín dụng cho hộ gia đình để sản xuất kinh doanh khác như chương trình tín dụng cho hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, chương trình cho vay giải quyết việc làm, chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý. Do đó, để tránh việc cho vay trùng lặp cùng một khách hàng giữa các chương trình thì cần phải bổ sung làm rõ trong quy định đối tượng được vay vốn.

1.3. Về mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay: Hiện nay, mức cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình và thương nhân là cá nhân là 50 triệu đồng (đã được nâng mức vay từ 30 triệu đồng lên 50 triệu đồng vào năm 2016³). Tuy nhiên, theo đánh giá của NHCSXH, với quy mô sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình và thương nhân vùng khó khăn ngày càng nâng lên, gắn với quy hoạch phát triển vùng, ứng dụng nhiều công nghệ, khoa học kỹ thuật hiện đại và sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị giá trị sản phẩm...; do đó đòi hỏi chi phí đầu tư máy móc, dây chuyền sản xuất, trang thiết bị, mua cây/con giống, nguyên vật liệu... phục vụ sản xuất, kinh doanh ngày càng tăng. Trong khi đó, biến động giá cả thị trường tăng lên hàng năm (chỉ số giá tiêu dùng đều tăng qua các năm: năm 2021 tăng 2,78% so với năm 2020; năm 2020 tăng 5,15% so với năm 2019; năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018; năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017; năm 2017 tăng 3,53% so với năm 2016). Vì vậy, mức cho vay hiện tại vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn, dẫn đến việc các hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân phải tiếp cận với nhiều nguồn vốn khác ngoài thị trường, thậm chí vay vốn với lãi suất cao, khiến cho việc đầu tư không hiệu quả.

1.4. Về lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay các chương trình tín dụng vùng khó khăn đã được điều chỉnh giảm xuống mức 0,8%/tháng (theo Quyết định số 1826/QĐ-TTg ngày 09/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ) và xuống mức 0,75%/tháng (theo Quyết định số 750/QĐ-TTg ngày 01/6/2015) (tương đương 9%/năm). Tuy nhiên, các văn bản điều chỉnh lãi suất nêu trên là văn bản chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý thì vẫn cần thiết sửa đổi quy định về lãi suất cho vay của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg.

1.5. Về xử lý rủi ro theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg: Quy định tại Điều 11 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg theo hướng “việc xử lý rủi ro được

³ Việc nâng mức cho vay lên 50 triệu đồng thực hiện theo Quyết định số 306/QĐ-TTg và Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 26/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

thực hiện theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ...”. Tuy nhiên hiện nay, Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH và Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg). Do đó, để đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành, cần sửa đổi quy định về xử lý rủi ro theo hướng nêu trên.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề: Giải quyết các vấn đề bất cập, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong việc xác định vùng khó khăn, đối tượng, mức vốn cho vay không phải bảo đảm tiền vay, lãi suất cho vay và xử lý rủi ro; đảm bảo bám sát thực tế phát sinh, phục vụ tốt nhất nhu cầu vay vốn của người dân tại khu vực khó khăn, không gây khó khăn cho người dân trong quá trình tiếp cận vốn vay.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng.

3.2. Giải pháp 2:

a) Sửa đổi, bổ sung quy định về vùng khó khăn (Điều 2 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Điều 2 Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg) theo hướng: “Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy định tại Quyết định này bao gồm: (a) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn; (b) Các huyện thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn; (c) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn.”

b) Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng và điều kiện vay vốn của chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn (Điều 3 và 4 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg) theo hướng:

- Sửa đổi quy định đối tượng vay vốn (sửa đổi Điều 3 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg): “Các hộ gia đình theo quy định của Bộ Luật Dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm tại vùng khó khăn theo quy định tại Điều 2 và đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định tại Điều 4 Quyết định này (sau đây gọi chung là người vay vốn). Người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của các thành viên trong hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi.”

- Bổ sung các điều kiện vay vốn (bổ sung Điều 4 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg): “Người vay vốn không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và không còn

du nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại Ngân hàng Chính sách xã hội.”

c) Sửa đổi, bổ sung quy định về mức vốn cho vay tối đa không phải bảo đảm tiền vay (Điều 7, 10 Quyết định số 31 và Điều 8, 12 Quyết định số 92) theo hướng:

- Sửa đổi, bổ sung về nâng mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay tại Quyết định số 31 lên 100 triệu đồng/người vay vốn như sau:

+ “Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/người vay vốn.” (Sửa đổi Điều 7 về mức cho vay)

+ “Người vay vốn không phải thực hiện bảo đảm tiền vay” (Sửa đổi Điều 10 về bảo đảm tiền vay)

- Sửa đổi, bổ sung về nâng mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay tại Quyết định số 92 lên 100 triệu đồng/người vay vốn như sau:

+ “Đối với thương nhân là cá nhân: Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/cá nhân. Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp: Mức vốn cho vay tối đa là 1 tỷ đồng/tổ chức.” (Sửa đổi Điều 8 về mức cho vay)

+ “Thương nhân vay vốn đến 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay. Thương nhân vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.” (Sửa đổi Điều 12 về bảo đảm tiền vay)

d) Sửa đổi, bổ sung quy định lãi suất cho vay (Điều 8 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg) theo hướng: “Lãi suất cho vay bằng 9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay. Việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội. Lãi suất cho vay đảm bảo nguyên tắc bù đắp lãi suất bình quân các nguồn vốn và phí quản lý đối với Chương trình này. Trong đó, lãi suất bình quân các nguồn vốn và phí quản lý xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.”

đ) Sửa đổi quy định về xử lý rủi ro (Điều 12 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg) theo hướng: “Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.”

4. Đánh giá tác động của các giải pháp:

4.1. Đánh giá tác động của giải pháp 1:

a) Chi phí: Việc giữ nguyên, không sửa đổi, bổ sung các quy định sẽ không tháo gỡ được những vướng mắc, bất cập hiện tại trong hoạt động tín dụng của các chương trình vùng khó khăn tại NHCSXH; không giúp nâng cao được hiệu quả chính sách tín dụng.

b) *Lợi ích*: Không gây xáo trộn đối với các đối tượng chịu sự tác động của các chính sách tín dụng vùng khó khăn; không làm tăng các chi phí liên quan đến xây dựng, ban hành và thi hành chính sách mới.

4.2. Đánh giá tác động của giải pháp 2:

a) Chi phí:

- Có thể gây ra xáo trộn đối với các đối tượng đang chịu sự tác động của các chính sách tín dụng vùng khó khăn, yêu cầu các đối tượng phải có những thay đổi cho phù hợp với chính sách mới; làm tăng các chi phí liên quan đến xây dựng, ban hành và thi hành chính sách mới.

- Về cơ bản, việc sửa đổi các quy định cũng không tác động nhiều lên ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2021-2025 do:

+ Theo báo cáo của NHCSXH, kế hoạch dư nợ cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn đến 31/12/2025 ước đạt 26.000 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,8%/tổng dư nợ của NHCSXH; kế hoạch dư nợ cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn đến 31/12/2025 ước đạt 553 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,2%/tổng dư nợ của NHCSXH. Về cơ bản, dư nợ của các chương trình tín dụng tại vùng khó khăn chỉ duy trì ở mức tương đương hiện nay. NHCSXH tiếp tục sử dụng nguồn vốn hiện có của ngân hàng, cân đối các nguồn vốn thu hồi nợ đến hạn và vốn thu hồi từ những địa bàn không còn tiếp tục được thụ hưởng chương trình để đáp ứng nhu cầu cho vay phát sinh, Nhà nước không cần cấp bổ sung vốn cho các chương trình tín dụng vùng khó khăn.

+ Hiện nay, lãi suất cho vay hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn là 9%/năm (là chương trình có mức lãi suất cho vay cao nhất hiện nay tại NHCSXH) cao hơn bình quân chi phí vốn (khoảng 3,78%/năm) và phí quản lý (khoảng 3,54%/năm); đồng thời việc sửa đổi quy định tại các Quyết định cũng chỉ để phù hợp với mức lãi suất hiện hành nêu trên, không phải tiếp tục giảm lãi suất. Vì vậy, ngân sách nhà nước không phải cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý cho các Chương trình này. Ngược lại, nguồn thu lãi của các chương trình tín dụng tại vùng khó khăn đang góp phần làm giảm số cấp bù lãi suất và phí quản lý của ngân sách nhà nước đối với NHCSXH. Theo kế hoạch tài chính và tín dụng trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của NHCSXH, chênh lệch từ hoạt động thu lãi sau khi trừ chi phí vốn và phí quản lý của NHCSXH sẽ góp phần giảm cấp bù của ngân sách cho NHCSXH qua các năm là 1.035 tỷ đồng (trong đó: năm 2021: 226 tỷ đồng, năm 2022: 258 tỷ đồng, năm 2023: 189 tỷ đồng, năm 2024: 176 tỷ đồng, năm 2025: 186 tỷ đồng).

- NHCSXH có thể chịu một số rủi ro, cụ thể:

+ Về rủi ro thanh khoản: Cơ cấu dư nợ cho vay của các chương trình tín dụng vùng khó khăn chủ yếu là trung hạn và dài hạn; trong khi đó, cơ cấu nguồn vốn của NHCSXH đang có xu hướng giảm dần các nguồn vốn trung và dài hạn (nguồn ngân sách nhà nước cấp rất hạn chế do còn nhiều khó khăn; nguồn phát hành trái phiếu bị giới hạn theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị). Trong thời gian qua, để huy động nguồn vốn cho vay, NHCSXH

cần đẩy mạnh huy động từ từ các tổ chức và dân cư. Tuy nhiên, các khoản huy động này chủ yếu là ngắn hạn (91% là không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 01 năm), chỉ phù hợp trong trường hợp thiếu hụt vốn tạm thời, không phù hợp để cho vay trung và dài hạn của NHCSXH nên có thể gây rủi ro thanh khoản.

+ Về rủi ro tín dụng: Theo báo cáo của NHCSXH, kể từ khi triển khai các chương trình tín dụng vùng khó khăn đến nay, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh của cả hai chương trình đều ở mức thấp (giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh của chương trình hộ sản xuất, kinh doanh vùng khó khăn và chương trình tín dụng thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn bình quân lần lượt là 0,64% và 1,12%/ tổng dư nợ cho vay). Trong giai đoạn tới, khi nâng mức cho vay các chương trình tín dụng vùng khó khăn lên 100 triệu đồng thì số nợ quá hạn và nợ khoanh có thể tăng lên do doanh số cho vay tăng cao. Tuy nhiên, nếu quản lý tốt rủi ro thì có thể giúp duy trì tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh trên dư nợ tương đương mức thấp như hiện nay.

b) Lợi ích:

- Khắc phục được những vấn đề bất cập, khó khăn, vướng mắc đã nêu điểm 1 mục II Báo cáo này.

- Phù hợp với chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Người dân có thể tiếp cận vốn vay của NHCSXH một cách hiệu quả để phục vụ phương án sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, không phải tiếp cận những nguồn "tín dụng đen" với lãi suất cao, rủi ro lớn.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

- Sau khi cân nhắc các chi phí, lợi ích của từng giải pháp, Bộ Tài chính kiến nghị lựa chọn giải pháp 2, sửa đổi các quy định để nâng cao hiệu quả chính sách tín dụng vùng khó khăn vì giải pháp này không có chi phí đáng kể và có những lợi ích hết sức rõ ràng như đã báo cáo ở trên. Thông qua việc quản trị tốt thì có thể hạn chế tối đa các chi phí của giải pháp 2.

- Thẩm quyền ban hành chính sách để giải quyết vấn đề là Thủ tướng Chính phủ.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Theo quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng hồ sơ trình dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan và NHCSXH. Đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi công chúng. Sau khi tổng hợp ý kiến các cơ quan, dự thảo dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg đã được lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

2. Ý kiến tham gia của các cơ quan; ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đều nhất trí với sự cần thiết xây dựng và ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg và các đánh giá tác động chính sách của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính đã tiếp thu các ý kiến tham gia khác để hoàn thiện hồ sơ trình dự thảo Quyết định.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các cơ quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg để thực hiện các giải pháp như đã nêu tại Mục II sẽ xử lý được vấn đề bất cập, tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình tín dụng vùng khó khăn trong thời gian qua để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, vừa đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng, vừa góp phần hạn chế, đẩy lùi “tín dụng đen”, hỗ trợ người vay thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Việc giám sát và tổ chức thi hành chính sách được thực hiện bởi các cơ quan sau: (i) Các cơ quan giám sát bao gồm: Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội; (ii) Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành bao gồm: Chính phủ, Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành có liên quan.

Trên đây là Báo cáo của Bộ Tài chính đánh giá tác động của chính sách dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg. Kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- NHCSXH;
- Lưu VT, TCNH (N.D.Linh - b).

BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phớc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KHẢO SÁT
**Kết quả đánh giá tình hình thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó
khăn tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thanh Hóa**

Bộ Tài chính đã phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các Bộ, ngành tổ chức Đoàn khảo sát kết quả đánh giá tình hình thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi (từ ngày 11/8/2022 đến 14/8/2022) và Thanh Hóa (từ ngày 19/8/2022 đến 20/8/2022).

Thành phần Đoàn khảo sát gồm:

1. Ông Nguyễn Việt Hưng, Phó vụ trưởng Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức tài chính, Bộ Tài chính - Trưởng đoàn;
2. Ông Nguyễn Mạnh Cường, Hàm Vụ phó Vụ kinh tế tổng hợp, Văn phòng chính phủ - Thành viên;
3. Bà Ngô Thị Lan Phương, Trưởng phòng Các định chế tài chính, Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức tài chính, Bộ Tài chính - Thành viên;
4. Ông Nguyễn Duy Linh, Chuyên viên Phòng Các định chế tài chính, Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức tài chính, Bộ Tài chính - Thành viên;
5. Bà Ngô Trần Anh Minh, Chuyên viên Vụ tài chính tiền tệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Thành viên;
6. Ông Nguyễn Hữu Điệp, Phụ trách kế toán Văn phòng quốc gia về giảm nghèo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội – Thành viên;
7. Bà Bùi Thị Quỳnh, Chuyên viên Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế, Bộ Tư pháp – Thành viên;
8. Ông Nguyễn Trường Giang, Chuyên viên Vụ Chính sách dân tộc, Ủy Ban dân tộc – Thành viên;
9. Ông Vương Văn Minh, Giám đốc Ban tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác, NHCSXH – Thành viên;
10. Ông Vi Mạnh Thùy, Phó Giám đốc Ban tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác, NHCSXH – Thành viên;
11. Bà Dương Thị Yến, Cán bộ Ban tín dụng học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác, NHCSXH – Thành viên;

Tại mỗi tỉnh được khảo sát, Đoàn đã có buổi làm việc với Ban lãnh đạo Chi nhánh NHCSXH; tiến hành khảo sát tại 01 huyện, mỗi huyện tiến hành khảo sát tại 01 xã và một số khách hàng vay vốn:

- Tại tỉnh Quảng Nam, Đoàn khảo sát tại xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My và làm việc với 02 Hội đoàn thể nhận ủy thác, 04 tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) và 10 khách hàng vay vốn Chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn

- Tại tỉnh Quảng Ngãi, Đoàn khảo sát tại xã Long Hiệp, huyện Minh Long và làm việc với 04 Hội đoàn thể nhận ủy thác, 04 tổ trưởng Tổ TK&VV và 10 khách hàng vay vốn Chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn.

- Tại tỉnh Thanh Hóa, Đoàn khảo sát tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân và làm việc với 02 Hội đoàn thể nhận ủy thác, 04 tổ trưởng Tổ TK&VV và 10 khách hàng vay vốn Chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn.

Đoàn khảo sát báo cáo kết quả khảo sát như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÓI CHUNG

1. Đối với chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg

- Từ khi thực hiện chương trình đến 31/7/2022, tổng doanh số cho vay đạt 88.115 tỷ đồng, với hơn 3,1 triệu lượt hộ được vay vốn. Mức cho vay bình quân một hộ nâng từ 15 triệu đồng/hộ (năm 2007) lên 45 triệu đồng/hộ (tháng 7/2022).

- Tổng doanh số thu nợ đạt 45.779 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ của chương trình đến ngày 31/7/2022 là 25.810 tỷ đồng, với hơn 656 ngàn khách hàng còn dư nợ, dư nợ bình quân 35,8 triệu đồng/hộ.

- Về chất lượng tín dụng: Cùng với việc tăng trưởng, chất lượng tín dụng của chương trình được đảm bảo. Đến ngày 31/7/2022, nợ quá hạn của chương trình là 50,114 tỷ đồng, chiếm 0,19% dư nợ của chương trình; nợ khoanh là 125,038 tỷ đồng, chiếm 0,48% dư nợ của chương trình.

2. Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg

- Từ khi thực hiện chương trình đến ngày 31/7/2022, tổng doanh số cho vay đạt 1.633 tỷ đồng, với 46.247 lượt khách hàng được vay vốn. Mức cho vay

bình quân một khách hàng nâng từ 33 triệu đồng (năm 2009) lên 50 triệu đồng (tháng 7/2022).

- Tổng doanh số thu nợ đạt 1.485 tỷ đồng.

- Tổng dư nợ của chương trình đến ngày 31/7/2022 là 146,1 tỷ đồng, với hơn 3.202 khách hàng còn dư nợ. Dư nợ bình quân 45,5 triệu đồng/khách hàng.

- Về chất lượng tín dụng: Đến ngày 31/7/2022, nợ quá hạn của chương trình là 1,075 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,74% dư nợ của chương trình; nợ khoanh là 1,628 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,11% dư nợ của chương trình.

3. Đánh giá chung về tình hình triển khai thực hiện 02 chương trình tín dụng tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg

- Việc ban hành chính sách tín dụng đối với hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động tại vùng khó khăn tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg là cần thiết, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với hệ thống chính sách của Nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội tại vùng khó khăn; góp phần thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, nông thôn, tăng trưởng kinh tế đồng đều giữa các vùng và thu hẹp dần khoảng cách giữa các vùng trong cả nước. Thông qua các chương trình tín dụng này, một mặt, tách tín dụng chính sách ra khỏi tín dụng thương mại, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại nhà nước chuyển sang kinh doanh theo cơ chế thị trường; mặt khác, tạo điều kiện hỗ trợ cho các hộ gia đình, thương nhân hoạt động tại vùng khó khăn được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ với thủ tục vay vốn đơn giản, thuận lợi nhằm thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

- Việc triển khai đồng bộ chương trình tín dụng đối với vùng khó khăn đã đem lại hiệu quả thiết thực, hỗ trợ, tạo cơ hội cho 3,1 triệu lượt hộ gia đình sản xuất kinh doanh và thương nhân vùng khó khăn tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi từ NHCSXH để sản xuất, kinh doanh, góp phần quan trọng thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã thuộc vùng khó khăn. Vốn cho vay ưu đãi được triển khai cho vay đến 100% huyện/xã thuộc khu vực khó khăn ở từng giai đoạn, đã góp phần tạo việc làm ổn định cho nhiều lao động địa phương, xây dựng được nhiều mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, đem lại hiệu quả kinh tế cao và bền vững.

- Cơ bản chất lượng tín dụng triển khai qua 02 chương trình tốt, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp (chương trình hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn có tỷ lệ 0,67% dư nợ; chương trình thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn có tỷ lệ 1,85% dư nợ), góp phần vào hiệu quả tín dụng chính sách tại NHCSXH thời gian qua.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TẾ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Kết quả cho vay, thu nợ, dư nợ tại một số địa phương khảo sát

1.1. Đối với chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg

Kết quả cho vay, thu nợ, dư nợ từ khi thực hiện chương trình đến ngày 31/7/2022 như sau:

Dvt: Triệu đồng, %, khách hàng./.

Chi nhánh	Doanh số cho vay	Doanh số thu nợ	Tổng dư nợ	Nợ quá hạn		Nợ khoanh		Số khách hàng còn dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Quảng Nam	2.043.573	1.400.190	773.272	155	0,03%	761	0,1%	18.148	61.126
Quảng Ngãi	1.266.693	673.566	592.651	307	0,05%	308	0,05%	14.291	34.608
Thanh Hóa	4.597.000	3.374.400	1.222.600	1.118	0,09%	724	0,05%	28.455	173.457

1.2. Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg

Kết quả cho vay, thu nợ, dư nợ từ khi thực hiện chương trình đến ngày 31/7/2022 như sau:

Dvt: Triệu đồng, %, khách hàng./.

Chi nhánh	Doanh số cho vay	Doanh số thu nợ	Tổng dư nợ	Nợ quá hạn		Nợ khoanh		Số khách hàng còn dư nợ	Số lượt khách hàng vay vốn
				Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Quảng Nam	9.390	9.171	173	0	0	0	0	4	264
Quảng Ngãi	240	240	0	0	0	0	0	0	8
Thanh Hóa	18.411	16.820	1.511	0	0	0	0	32	575

2. Khảo sát thực tế khách hàng vay vốn

- Đoàn khảo sát đã khảo sát 10 khách hàng vay vốn tại xã Trà Giang, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; 10 khách hàng vay vốn tại xã Long Hiệp, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi; 10 khách hàng vay vốn tại xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Các khách hàng vay vốn đều đang sinh sống và thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg.

- Kiểm tra khảo sát thực tế cho thấy, khách hàng vay vốn NHCSXH để thực hiện các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi (chăn nuôi trâu bò, trồng keo,

quế...), và kinh doanh (buôn bán tạp hóa) với thời gian vay từ 3 năm đến 5 năm. Cơ bản, khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi theo cam kết thông qua các nguồn thu nhập từ toàn bộ các thành viên trong hộ gia đình như: thu nhập từ làm thuê mướn những khi nông nhàn (bóc keo thuê, phát rẫy thuê...), thu nhập từ việc bán các sản phẩm nông nghiệp do hộ gia đình tự trồng trọt và chăn nuôi được (bán lợn, gà, trâu, keo...).

3. Kết quả làm việc với lãnh đạo địa phương

3.1. Đánh giá về hiệu quả chương trình

- Đoàn khảo sát đã làm việc với lãnh đạo địa phương (cấp xã, cấp huyện), Ban đại diện HĐQT NHCSXH, tổ chức CT-XH nhận ủy thác, một số Trường thôn/ấp, Tổ TK&VV. Tại buổi làm việc, chính quyền các cấp ở các địa phương và đại diện khách hàng vay vốn đều nhận định chương trình tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn, thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn với quy trình, thủ tục đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, người dân được tiếp cận vốn vay thuận lợi, nhanh chóng ngay tại các Điểm giao dịch xã với sự hỗ trợ tích cực từ NHCSXH, các tổ chức CT-XH, Tổ TK&VV. Nhờ nguồn vốn cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn đã khơi dậy được tiềm năng phát triển kinh tế của vùng, nhân dân có điều kiện phát triển những ngành nghề thế mạnh của địa phương như: Phát triển vườn đồi, kinh tế trang trại, nuôi trồng thủy, hải sản... góp phần tạo việc làm, cải thiện thu nhập, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, một số khó khăn vướng mắc cũng được các địa phương phản ánh tại buổi làm việc:

(i) Về phạm vi vùng khó khăn:

+ Có một số thôn đặc biệt khó khăn nhưng lại không thuộc xã vùng khó khăn nên không được vay vốn chương trình.

+ Trước khi Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi được ban hành thì huyện đảo Lý Sơn gồm 03 xã An Bình, An Vĩnh và An Hải, cả 03 xã này đều là xã vùng khó khăn nên thuộc đối tượng được vay vốn các chương trình tín dụng vùng khó khăn của NHCSXH. Sau khi Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 được ban hành thì huyện đảo Lý Sơn trở thành đơn vị hành chính một cấp huyện (không có đơn vị hành chính cấp xã). Trong khi đó, theo quy định hiện nay tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg thì vùng khó khăn chỉ bao gồm đơn vị hành chính cấp xã. Do đó, huyện đảo Lý Sơn không thuộc phạm vi được cho vay, mặc dù vẫn có tên trong Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (theo biểu Phụ lục II đính kèm Quyết định số 353/QĐ-TTg). Đề đảm bảo

cơ sở pháp lý cho NHCSXH cho vay huyện đảo Lý Sơn (cũng như huyện đảo Côn Cỏ) thì cần thiết phải có quy định phạm vi vùng khó khăn bao gồm các huyện đảo đặc biệt khó khăn không có đơn vị hành chính cấp xã.

+ Đối với một số xã ra khỏi danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn thì các hộ gia đình gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh do không còn thuộc đối tượng chính sách để vay chương trình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo hoặc do nguồn vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm còn hạn chế.

(ii) Về mức vốn cho vay:

+ Đối tượng cho vay của các chương trình tín dụng vùng khó khăn là thương nhân hoặc là hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo. Việc duy trì mức cho vay tối đa như hiện nay (*chỉ bằng 1/2 mức cho vay của chương trình hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo*) là chưa đảm bảo tương quan về mức vốn cho vay giữa các chương trình tín dụng chính sách. Thời gian qua, các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đã nâng mức cho vay tối đa từ 50 triệu lên 100 triệu; trong khi đó chương trình cho vay vùng khó khăn là các đối tượng không phải người nghèo nhưng mức vay tối đa vẫn chỉ là 50 triệu đồng.

+ Ngoài ra, biến động giá cả thị trường tăng lên hàng năm, trong khi quy mô của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và thương nhân vùng khó khăn ngày càng tăng lên. Do đó, với mức cho vay tối đa như hiện nay là 50 triệu đồng (đối với hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân là cá nhân không thực hiện chế độ kế toán và nộp thuế khoán), cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động chưa đủ vốn để đầu tư mà phải tiếp cận với nhiều nguồn vốn khác ngoài thị trường, thậm chí vay vốn với lãi suất cao, vay vốn tín dụng đen, dẫn đến hiệu quả của việc đầu tư chưa cao, gây rủi ro cao cho việc vay vốn, cũng như rủi ro cho người vay khi cân đối nguồn để trả nợ cho nhiều chủ nợ.

(iii) Về bảo đảm tiền vay: Đối với cho vay theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, bảo đảm tiền vay chỉ áp dụng hình thức bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Tuy nhiên, đa số hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn vay vốn để trồng trọt, chăn nuôi. Vốn vay chủ yếu đầu tư để mua nguyên vật liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, nhân công... Sau khi tài sản bảo đảm tiền vay được hình thành và hoàn thành thủ tục bảo đảm tiền vay, NHCSXH không thể kiểm soát được tình trạng về tài sản hình thành như trong hồ sơ bảo đảm tiền vay dẫn đến công tác xử lý tài sản bảo đảm (nếu có) không thể thực hiện được. Mặc khác, theo quy định của pháp luật hiện hành, tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, việc bảo đảm tiền vay chỉ áp dụng duy nhất bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

3.2. Đề xuất, kiến nghị của địa phương và đối tượng vay vốn

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành nghiên cứu để mở rộng địa bàn cho vay chương trình này đối với tất cả các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết 30a; tất cả các thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã thuộc vùng khó khăn cũng được hưởng chính sách tín dụng ưu đãi này (chi nhánh Thanh Hóa).

- Đề nghị nâng mức cho vay chương trình tín dụng hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg không phải đảm bảo tiền vay từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng, và nâng mức vay trên 100 triệu đồng đến 200 triệu đồng phải bảo đảm tài sản (chi nhánh Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi) để phù hợp với tình hình thực tế và đồng bộ với các mức vay cho các đối tượng người nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo đã được điều chỉnh thời gian qua.

- Đề nghị nâng mức vay tối đa thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng không phải bảo đảm tài sản, và nâng mức vay có bảo đảm tài sản tối đa đến 01 tỷ đồng/khách hàng để tạo sức đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn (chi nhánh Thanh Hóa).

- Đề nghị Chính phủ bổ sung vùng thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại là các thôn đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 612/QĐ-UBND) tại các xã không thuộc vùng khó khăn (chi nhánh Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi).

- Đề nghị Chính phủ cho phép kéo dài các chính sách tín dụng đối với vùng khó khăn khi xã thoát khỏi vùng khó khăn 3 hoặc 5 năm, nhằm tạo điều kiện cho hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn tiếp tục ổn định sản xuất, phát triển kinh tế bền vững (chi nhánh Thanh Hóa, Quảng Ngãi).

- Đề nghị quy định thống nhất việc bảo đảm tiền vay đối với hộ sản xuất, kinh doanh như đối với thương nhân hoạt động tại vùng khó khăn vay vốn trên 100 triệu đồng là thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thay vì quy định cụ thể việc bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay (chi nhánh Thanh Hóa, Quảng Nam, Quảng Ngãi).

- Đề nghị các Bộ, ngành xem xét, bổ sung quy định huyện đảo Lý Sơn (và cả huyện đảo Cồn Cỏ) thuộc đối tượng vùng khó khăn để vay vốn tại NHCSXH do tính chất đặc thù không có đơn vị hành chính cấp xã và căn cứ vào quy định tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và thực tế địa bàn còn nhiều khó khăn.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA ĐOÀN KHẢO SÁT

Trên cơ sở khảo sát kết quả việc thực hiện Chương trình và ghi nhận ý kiến từ khách hàng vay vốn, lãnh đạo các địa phương, Đoàn khảo sát kiến nghị

Chính phủ, các bộ ngành xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, cụ thể:

1. Về đối tượng vùng khó khăn: Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách bao gồm:

- Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định trong Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn (bao gồm cả huyện đảo Côn Cỏ, huyện Lý Sơn theo quy định tại Phụ lục II Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025);

- Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn.

2. Về mức vốn cho vay: Đề nghị nâng mức cho vay đối 02 chương trình tín dụng để đảm bảo đồng bộ về mặt chính sách tín dụng và phù hợp với thực tế như sau:

2.1. Đối với chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg: Nâng mức cho vay không phải bảo đảm tài sản từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng, đối với mức vay trên 100 triệu đồng đến tối đa 200 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tài sản theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg:

- Đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện chế độ kế toán theo quy định pháp luật về chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế: Mức vốn cho vay tối đa là 100 triệu đồng/cá nhân;

- Đối với thương nhân là cá nhân thực hiện chế độ kế toán theo quy định pháp luật về chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và kê khai nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật: Mức vốn cho vay tối đa là 200 triệu đồng/cá nhân;

- Đối với thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp: Mức vốn cho vay tối đa là 1 tỷ đồng/tổ chức.

3. Về bảo đảm tiền vay: Đề nghị điều chỉnh mức tiền vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay là trên 100 triệu đồng thống nhất đối với cả 02 chương trình.

4. Về trường hợp xã không còn thuộc vùng khó khăn nữa: Các khách hàng tiếp tục thực hiện theo đúng hợp đồng vay vốn đã ký kết với NHCSXH cho đến hết thời hạn vay vốn theo hợp đồng.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát kết quả tình hình thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn tại tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi và Thanh Hóa./.

**TM. ĐOÀN CÔNG TÁC
TRƯỞNG ĐOÀN**

Nguyễn Việt Hưng

BỘ TÀI CHÍNH

BẢNG TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐOÀN KHẢO SÁT

STT	Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	Nội dung tham gia	
I. NỘI DUNG TIẾP THU, HOÀN THIỆN			
1		<p>Đề nghị bổ sung làm rõ nguyên nhân của việc dư nợ chương trình có xu hướng giảm dần; bổ sung thêm đánh giá về chất lượng tín dụng của chương trình.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung đánh giá nguyên nhân dư nợ chương trình có xu hướng giảm chủ yếu do số lượng các xã vùng khó khăn ngày càng giảm và bổ sung số liệu đánh giá chất lượng tín dụng các chương trình thông qua tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh tại điểm 2.1 mục I Tờ trình Thủ tướng Chính phủ.</p>
2	NHNN	<p>Bên cạnh các chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, giải quyết việc làm thì chính sách tín dụng vùng khó khăn có thể cũng trùng lặp về đối tượng, địa bàn thực hiện, mục đích cho vay với một số chính sách cho vay khác tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP như cho vay vùng trồng được liệu, cho vay theo chuỗi giá trị. Do đó, đề nghị báo cáo và đánh giá đầy đủ; đồng thời nghiên cứu bổ sung quy định về điều kiện loại trừ các đối tượng vay vốn để tránh trùng lặp với các chính sách tín dụng đang triển khai tại NHCSXH.</p>	<p>Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, phần lớn các chương trình cho vay đều có đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và đã được quy định loại trừ trong dự thảo Quyết định sửa đổi chương trình tín dụng vùng khó khăn, hoặc các đối tượng doanh nghiệp, hợp tác xã thì không thuộc phạm vi cho vay trong chương trình tín dụng vùng khó khăn. Riêng có chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý thì bao gồm cả đối tượng "hộ gia đình hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sử dụng từ 50% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số". Do đó, Bộ Tài chính xin tiếp thu, bổ sung quy định loại trừ đối tượng hộ gia đình đã được vay vốn chương trình trồng được liệu nêu trên.</p>
3		<p>Đề nghị đánh giá cụ thể hơn để làm rõ nhận định "mức cho vay hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn", làm cơ sở để xuất mức cho vay tối đa cho phù hợp.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung đánh giá cụ thể hơn về nguyên nhân dẫn đến mức cho vay hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn tại điểm 2.2.c mục I Tờ trình Thủ tướng Chính phủ.</p>
4		<p>Đề nghị làm rõ thêm và nghiên cứu giải pháp quy định để kiểm soát tài sản bảo đảm trong trường hợp khách hàng thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay, tránh trường hợp không kiểm soát được.</p>	<p>Qua rà soát các chương trình tín dụng hiện hành của NHCSXH thì các mức cho vay đối với cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất kinh doanh, làm việc trong nước thì đều có mức cho vay tối đa không quá 100 triệu đồng (không phải thực hiện bảo đảm tiền vay), không có trường hợp được cho vay cao hơn có bảo đảm</p>

STT	Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	Nội dung tham gia	
			<p>tiền vay. Do đó, tại dự thảo Quyết định đã điều chỉnh thống nhất mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình và thương nhân là cá nhân đều là 100 triệu đồng (không có trường hợp vay cao hơn). Đối với trường hợp thương nhân là tổ chức kinh tế vay trên 100 triệu đồng thì phải "thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ", như vậy NHCSSXH có thể yêu cầu các tài sản khác để bảo đảm cho khoản vay (như tài sản nhà, đất hoặc bảo lãnh của bên thứ ba...).</p>
5		<p>Đề nghị phối hợp với NHCSSXH dự kiến số lượng đối tượng, tính toán cụ thể nhu cầu nguồn lực cần thiết, nguồn cấp bù lãi suất, phí quản lý và khả năng huy động vốn của NHCSSXH để thực hiện cho vay 02 chương trình tín dụng.</p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu, bổ sung các nội dung tính toán nguồn lực, nguồn cấp bù lãi suất, phí quản lý và khả năng huy động vốn để thực hiện cho vay 02 chương trình tín dụng tại Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Tờ trình.</p>
6		<p>Bộ Tài chính cần rà soát, xác định số lượng các xã khu vực II, Khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 nay không còn nằm trong danh sách xã khu vực II, III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 để xem xét, áp dụng chính sách tín dụng vùng khó khăn tại NHCSSXH.</p>	<p>- Chính sách tín dụng tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg nhằm mục đích hỗ trợ cho các vùng khó khăn trên phạm vi cả nước, do đó cần thiết phải bám sát các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về vùng khó khăn. Vì vậy, đối với các xã đã có sự cải thiện, không còn thuộc phạm vi vùng khó khăn trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thì sẽ không được hỗ trợ theo chính sách tín dụng tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg. Thay vào đó, NHCSSXH sẽ dành nguồn lực để tiếp tục hỗ trợ, cho vay các xã đang thuộc phạm vi vùng khó khăn, góp phần giúp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, sớm trở thành xã khu vực I.</p> <p>- Tuy nhiên, các xã không còn thuộc phạm vi vùng khó khăn vẫn có thể được áp dụng các chương trình tín dụng khác của NHCSSXH; ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại các xã này tiếp tục được vay vốn theo các chương trình tín dụng tương ứng tại NHCSSXH để đẩy mạnh sản xuất – kinh doanh, tăng thu nhập; các hộ gia đình cũng có thể vay vốn các chương trình tín dụng nước sạch vệ sinh môi trường, tín dụng học sinh sinh viên... theo quy định của pháp luật. Vì vậy, các xã mới thoát khỏi phạm vi vùng khó khăn vẫn tiếp tục được hỗ</p>

STT	Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	Nội dung tham gia	
7		<p>Về quy định đối tượng vay vốn tại Điều 1 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị sửa đổi quy định "...và chưa được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm..." thành "...và không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm..." - Đề nghị sửa đổi quy định rõ "hộ mới thoát nghèo" theo hướng như tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg 	<p>trợ phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>- Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đã tiếp thu một phần ý kiến của NHNN, bổ sung thêm quy định đối tượng vùng khó khăn bao gồm "các thôn không thuộc các xã vùng khó khăn nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng. Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn". Như vậy, các thôn đặc biệt khó khăn tại các xã đã ra khỏi vùng khó khăn (không còn trong danh sách khu vực II, III) thì vẫn có thể được vay vốn chương trình.</p>
8	NHCSXH	<p>Về quy định mức vốn cho vay tại Điều 1 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị sửa đổi: "...giao Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào khả năng nguồn vốn, nhu cầu đầu tư và khả năng trả nợ của hộ sản xuất, kinh doanh, để quy <u>giới</u> định mức cho vay cụ thể, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng..." - Đề nghị sửa đổi: "b) Cam kết Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật</u> về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ." 	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này và chuyển bổ sung vào quy định về điều kiện vay vốn tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Quyết định.</p>
9		<p>Về quy định lãi suất cho vay tại Điều 1 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg:</p>	<p>Như đã nêu ở trên, để đồng bộ với các chương trình tín dụng chính sách của NHCSXH, tại dự thảo Quyết định đã điều chỉnh thống nhất mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình là 100 triệu đồng (không có trường hợp vay cao hơn). Vì vậy, bản dự thảo hiện nay không quy định trường hợp hộ gia đình được vay tối đa 200 triệu đồng như tại bản dự thảo lấy ý kiến trước đây.</p>

Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Quyết định.

STT	Ý kiến các cơ quan		Tờng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	Nội dung tham gia	
		<p>Đề nghị sửa đổi "...Lãi suất cho vay bằng $0,75\%/tháng$ <u>9%/năm</u>..." do việc quy định lãi suất theo năm để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN.</p> <p>Về quy định bảo đảm tiền vay tại Điều 1 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg:</p> <p>Đề nghị sửa đổi "2. Người vay vốn từ trên 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật</u> về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ."</p> <p>Về quy định vùng khó khăn tại Điều 2 về sửa đổi, bổ sung của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg:</p> <p>Đề nghị sửa đổi "1. Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với <u>hệ gia đình sản xuất, kinh doanh thương nhân</u> quy định tại Quyết định này bao gồm..." để phù hợp với Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg.</p> <p>Về quy định bảo đảm tiền vay tại Điều 2 về sửa đổi, bổ sung của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg:</p> <p>Đề nghị sửa đổi "2. Thương nhân vay vốn từ trên 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật</u> về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ."</p>	<p>Như đã nêu ở trên. Đề đồng bộ với các chương trình tín dụng chính sách của NHCSXH, tại dự thảo Quyết định đã điều chỉnh thống nhất mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình là 100 triệu đồng (không có trường hợp vay cao hơn). Vì vậy, bản dự thảo hiện nay không quy định trường hợp hộ gia đình được vay trên 100 triệu đồng như tại bản dự thảo lấy ý kiến trước đây.</p>
11		<p>Về quy định bảo đảm tiền vay tại Điều 2 về sửa đổi, bổ sung của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg:</p> <p>Đề nghị sửa đổi "2. Thương nhân vay vốn từ trên 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật</u> về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ."</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định.</p>
12		<p>Về quy định bảo đảm tiền vay tại Điều 2 về sửa đổi, bổ sung của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg:</p> <p>Đề nghị sửa đổi "2. Thương nhân vay vốn từ trên 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật</u> về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ."</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định.</p>
13	BỘ KHĐT	<p>Đề nghị bổ sung báo cáo công tác cho vay, thu hồi nợ hàng năm bao gồm tổ chức giải ngân nguồn vốn cho vay, công tác thu hồi nợ, quản lý rủi ro và xử lý nợ bị rủi ro đối với các khoản nợ của 02 chương trình tín dụng vùng khó khăn.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung các nội dung theo yêu cầu của Bộ KHĐT tại Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và Báo cáo kết quả thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn kèm theo.</p>
14	BỘ KHĐT	<p>Đề nghị bổ sung đánh giá về cơ chế tài chính, cơ chế lãi suất, phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách; đánh giá những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân và bài học trong việc cho vay</p>	

STT	Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	Nội dung tham gia	
15	các chương trình tín dụng vùng khó khăn. Đề nghị rà soát, bổ sung làm rõ cơ sở tính toán để đưa ra việc nâng mức vay vốn.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung đánh giá cụ thể hơn về nguyên nhân dẫn đến mức cho vay hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn tại điểm 2.2.c mục 1 Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; đồng thời báo cáo rõ căn cứ để xuất mức vốn cho vay tại điểm 2.3.c mục IV Tờ trình Thủ tướng Chính phủ.	
16	Đề nghị rà soát, bổ sung báo cáo về cơ sở tính toán về nhu cầu nguồn vốn và khả năng huy động vốn để thực hiện phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, kế hoạch tăng trưởng tín dụng chính sách và quản lý rủi ro.	Bộ Tài chính tiếp thu, bổ sung các nội dung tính toán nguồn lực để thực hiện cho vay 02 chương trình tín dụng tại Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và Phụ lục kèm theo Tờ trình.	
17	Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung 02 Quyết định tín dụng vùng khó khăn theo hướng tránh phân tán, chồng chéo về chính sách và tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung các quy định điều kiện các hộ gia đình phải “không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo”, “không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được lưu quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội” để đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo với các chính sách khác.	
18	Việc nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung các chương trình tín dụng vùng khó khăn là cơ sở. Tuy nhiên, thời gian qua có nhiều chính sách được ban hành (như các chính sách vùng đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội), do đó để đảm bảo tránh trùng lặp về chính sách và đối tượng, đề nghị cần rà soát quy định pháp luật, nghiên cứu, tổng kết việc thi hành chính sách, đánh giá đầy đủ vướng mắc, bất cập, từ đó làm rõ sự cần thiết xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng vùng khó khăn. Bên cạnh đó, từ năm 2007 đến nay có nhiều thay đổi về căn cứ ban hành các Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số	Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, rà soát các chính sách được ban hành để đảm bảo quy định phù hợp, tránh trùng lặp; thực hiện tổng kết việc thi hành chính sách, đánh giá vướng mắc, bất cập và nhận định sự cần thiết xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung. Ngoài ra, dự kiến dự thảo Quyết định chi sửa đổi một số nội dung chính về vùng khó khăn, mức vốn cho vay, lãi suất và bảo đảm tiền vay, do đó việc ban hành văn bản thay thế không thật sự cần thiết. Căn cứ để ban hành dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung sẽ theo các văn bản QPPL hiện hành. Trên thực tế vừa qua cũng có một Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg (từ năm 2007) về tín dụng học sinh, sinh viên mà không cần thiết ban hành Quyết định thay thế.	

STT	Cơ quan	Ý kiến các cơ quan	Nội dung tham gia	
	92/2009/QĐ-TTg, do đó đề nghị nghiên cứu việc ban hành văn bản mới thay thế 02 Quyết định nêu trên.			
	Đề nghị rà soát quy định liên quan đến hộ gia đình trong dự thảo Quyết định với chế định “hộ gia đình” trong Bộ Luật Dân sự năm 2015 để quy định cho phù hợp, tránh vướng mắc trong thực thi.			
19	Bên cạnh đó nội hàm của quy định về đối tượng được vay vốn có nhiều nội dung thuộc phạm vi về điều kiện vay vốn, phương thức vay vốn như: “không thuộc diện hộ nghèo...”, “chưa được vay vốn chương trình...”, “thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn...”, “người đại diện theo ủy quyền hàng văn bản... chịu trách nhiệm giao dịch với NHCSXH”. Do đó, đề nghị tách các nội dung này vào quy định về điều kiện vay vốn và phương thức vay vốn.	Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp, chuyển nội dung về “không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo” và “không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và chương trình cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệt kê tại Ngân hàng Chính sách xã hội” bổ sung vào quy định tại Điều 4 (Điều kiện vay vốn) của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg.		
20	Đề nghị chi quy định 01 mức cho vay tối đa đối với 01 đối tượng, tương hợp đối với các khoản vay trên một mức cụ thể cần có thêm điều kiện thi quy định vào nội dung về điều kiện vay vốn.	Như đã nêu ở trên, đề đồng bộ với các chương trình tín dụng chính sách của NHCSXH, bản dự thảo Quyết định hiện nay chi quy định một mức vốn cho vay tối đa đối với hộ gia đình là 100 triệu đồng/người vay vốn, không có trường hợp đặc thù được vay cao hơn 100 triệu đồng.		
21	Đề nghị bỏ cụm từ “cam kết” tại quy định (b) Cam kết thực hiện bảo đảm tiền vay...” tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Quyết định.	Như đã nêu ở trên, bản dự thảo Quyết định hiện nay không quy định trường hợp hộ gia đình được vay trên 100 triệu đồng như tại bản dự thảo lấy ý kiến trước đây, nên đã bỏ các quy định điều kiện cho trường hợp đặc thù.		
22	Đề nghị chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định “Vùng khó khăn ... đối với hộ gia đình sản xuất , kinh doanh thương nhân quy định tại...”	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định.		
23	Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện chính sách và xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015, đồng thời rà soát các VBQPPL có	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung Báo cáo tổng kết quá thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn theo Quyết định 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời hoàn thiện các Báo cáo đánh giá tác động chính sách; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các		

Tông hợp của Bộ Tài chính

STT	Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	Nội dung tham gia	
		liên quan đến dự thảo Quyết định, bổ sung Báo cáo về rà soát VBQPPL có liên quan; đánh giá tác động chính sách trong dự thảo Quyết định; tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan; trên cơ sở đó, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.	<p>co quan liên quan tại Bảng tổng hợp này.</p> <p>Đối với kiến nghị bổ sung báo cáo rà soát VBQPPL, có liên quan, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:</p> <p>Qua rà soát Luật Ban hành VBQPPL, năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2020, theo đó, đối với hồ sơ dự thảo Nghị định của Chính phủ thì khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ phải kèm theo Báo cáo rà soát VBQPPL, có liên quan. Tuy nhiên, đối với hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì không yêu cầu Báo cáo này.</p>
24		Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định, đề nghị rà soát, hoàn thiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành VBQPPL, năm 2015 và các quy định hướng dẫn liên quan.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, rà soát, hoàn thiện thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định theo quy định.
25		Đề nghị bổ sung quy định đối tượng hộ gia đình "...chưa được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm hoặc đã được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm tại NHCSXH nhưng đã trả hết nợ vay..."	Bộ Tài chính tiếp thu, sửa đổi tại điều kiện vay vốn theo hướng "...không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm..."
26	Bộ LĐTBXH	Đề nghị sửa quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định "Vùng khó khăn đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh <u>thương nhân</u> quy định tại..."	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định.
27		Về quy định bảo đảm tiền vay tại Điều 2 về sửa đổi, bổ sung của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg: Đề nghị sửa đổi "2. Thương nhân vay vốn <u>từ trên</u> 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật</u> về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ."	Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định.
28	Bộ Ngoại giao	Về quan điểm chi đạo: Cần nhắc bổ sung quan điểm về phù hợp với chính sách hội nhập quốc tế của ta.	Bộ Tài chính đã tiếp thu, bổ sung quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định là "phù hợp với chính sách hội nhập quốc tế của Việt Nam, bao gồm cam kết quốc tế về việc thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững, trong đó có mục tiêu xóa đói giảm nghèo, đảm bảo cuộc sống lành mạnh cho người dân."

Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
STT	Cơ quan	Nội dung tham gia
29		<p>Cần nhắc bổ sung nội dung về có cơ chế để thường xuyên rà soát các tổ chức và cá nhân cho vay tín dụng để đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, thương nhân tại các vùng khó khăn.</p>
30		<p>Cần nhắc lồng ghép vấn đề về giới như đào tạo, tuyển dụng cán bộ nữ, có đo lường chỉ số bình đẳng giới với nhóm khách hàng, tuyên truyền dịch vụ tài chính tới phụ nữ để thay đổi nhận thức...; xem xét bổ sung các dịch vụ phi tài chính như chương trình đào tạo quản lý doanh nghiệp; xem xét bổ sung nội dung về cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính vi mô.</p>
31		<p>Về quy định mức vốn cho vay tại Điều 1 về sửa đổi, bổ sung <u>Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg</u>: Đề nghị sửa đổi: "...bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội</u> và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ."</p>
32	Ủy ban Dân tộc	<p>Về quy định xử lý rủi ro tại Điều 1 về sửa đổi, bổ sung <u>Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg</u>: Đề nghị sửa như sau: "Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro <u>trong hệ thống</u> Ngân hàng Chính sách xã hội."</p>
33		<p>Đề nghị sửa quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo <u>Quyết định "Vùng khó khăn ... đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh</u></p>
		<p style="text-align: center;">Tổng hợp của Bộ Tài chính</p> <p>- Tại Điều 13 <u>Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg</u> và Điều 14 <u>Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg</u> đã quy định trách nhiệm của NHCSXH "xây dựng quy trình và thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn và trả nợ của người vay vốn phù hợp với đặc điểm hoạt động của ngân hàng, tính chất của khoản vay nhằm bảo đảm hiệu quả và khả năng thu hồi vốn vay".</p> <p>- Hiện nay, cơ chế và phương thức quản lý tín dụng chung của NHCSXH cơ bản đã bao gồm các biện pháp kiểm soát vốn vay thông qua các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn và các Tổ tiết kiệm và vay vốn để đảm bảo người vay vốn sử dụng vốn đúng mục đích, tạo được thu nhập để trả nợ cho NHCSXH.</p> <p>Các nội dung ý kiến của Bộ Ngoại giao liên quan đến hoạt động tổng thể của NHCSXH. Bộ Tài chính xin tiếp thu, chuyển ý kiến tới NHCSXH để hoàn thiện hoạt động trong thời gian tới.</p> <p>Như đã nêu ở trên, để đồng bộ với các chương trình tín dụng chính sách của NHCSXH, tài dự thảo <u>Quyết định</u> đã điều chỉnh thông nhất mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình là 100 triệu đồng (không có trường hợp vay cao hơn). Vì vậy, bản dự thảo hiện nay không quy định trường hợp hộ gia đình được vay trên 100 triệu đồng như tài bản dự thảo lấy ý kiến trước đây.</p> <p>Bộ Tài chính tiếp thu mọi phản ý kiến của Ủy ban Dân tộc, điều chỉnh quy định này theo hướng "...về xử lý nợ bị rủi ro <u>tại</u> Ngân hàng Chính sách xã hội" để đảm bảo phù hợp với cụm từ sử dụng hiện nay tại <u>Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg</u> về việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại Khoản 1 Điều 2 dự thảo <u>Quyết định</u>.</p>

STT	Ý kiến các cơ quan	Tổng hợp của Bộ Tài chính
Cơ quan	Nội dung tham gia	
34	<p><u>thương nhân</u> quy định tại...”</p> <p>Về quy định bảo đảm tiền vay tại Điều 2 về sửa đổi, bổ sung của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg;</p> <p>Đề nghị sửa đổi "...thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của <u>Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật</u> về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại khoản 3 Điều 2 dự thảo Quyết định.</p>
35	<p>Đề nghị bổ sung quy định vùng khó khăn để: (i) Bao gồm các huyện Cồn Cỏ và huyện Lý Sơn thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành; (ii) Bao gồm các thôn không thuộc các xã vùng khó khăn nhưng thuộc Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành; (iii) Cho phép các xã đã thoát khỏi vùng khó khăn tiếp tục được thụ hưởng chính sách tới đa là 3 năm kể từ khi ra khỏi danh sách xã vùng khó khăn.</p>	<p>Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Đoàn khảo sát, bổ sung quy định để bao gồm đối tượng các huyện (không có xã) nhưng thuộc Danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do Thủ tướng Chính phủ ban hành và các thôn không thuộc các xã vùng khó khăn nhưng thuộc Danh sách các thôn đặc biệt khó khăn.</p> <p>Tuy nhiên, đối với kiến nghị cho phép các xã đã thoát khỏi vùng khó khăn tiếp tục được thụ hưởng chính sách tới đa là 3 năm kể từ khi ra khỏi danh sách xã vùng khó khăn, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:</p> <p>- Chính sách tín dụng tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg nhằm mục đích hỗ trợ cho các vùng khó khăn trên phạm vi cả nước, do đó cần thiết phải bám sát các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về vùng khó khăn. Vì vậy, đối với các xã đã có sự cải thiện, không còn thuộc phạm vi vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thì sẽ không được hỗ trợ theo chính sách tín dụng tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg. Thay vào đó, NHCSXH sẽ dành nguồn lực để tiếp tục hỗ trợ, cho vay các xã đang thuộc phạm vi vùng khó khăn, góp phần giúp phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, sớm trở thành xã khu vực I.</p> <p>- Tuy nhiên, các xã không còn thuộc phạm vi vùng khó khăn vẫn có thể được áp dụng các chương trình tín dụng khác của NHCSXH: ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại các xã này tiếp tục được vay vốn theo các chương trình tín dụng tương ứng tại NHCSXH để đẩy mạnh sản xuất - kinh doanh, tăng thu nhập; các hộ gia đình cũng có thể vay vốn các chương trình tín dụng nước</p>

STT	Cơ quan	Ý kiến các cơ quan	Tông hợp của Bộ Tài chính
36	NIHNN	<p>Đề nghị nâng mức vốn cho vay: (i) Đối với chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, nâng mức cho vay không phải bảo đảm tài sản từ 50 triệu đồng lên 100 triệu đồng; đối với mức vay trên 100 triệu đồng đến tối đa 200 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tài sản theo quy định của pháp luật; (ii) Đối với chương trình cho vay thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, nâng mức cho vay tối đa đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện chế độ kế toán lên 100 triệu đồng/cá nhân, đối với thương nhân là cá nhân thực hiện chế độ kế toán lên 200 triệu đồng/cá nhân, đối với thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp lên 1 tỷ đồng/tổ chức.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Quyết định. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, đề đồng bộ với các chương trình tín dụng chính sách của NHCSSXH, tại dự thảo Quyết định đã điều chỉnh thông nhất mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với hộ gia đình và thương nhân là cá nhân đều là 100 triệu đồng (không có trường hợp vay cao hơn). Vì vậy, bản dự thảo hiện nay không quy định trường hợp hộ gia đình và cá nhân được vay trên 100 triệu đồng như tại bản dự thảo trước đây.</p> <p>Đòi với trường hợp thương nhân là tổ chức kinh tế vay thì có vay tối đa tới 1 tỷ đồng, nhưng vay trên 100 triệu đồng thì phải "thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ".</p>
37		<p>Đề nghị điều chỉnh mức tiền vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay là trên 100 triệu đồng nhất đối với cả 02 chương trình.</p>	<p>Bộ Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Quyết định.</p>
II. NỘI DUNG GIẢI TRÌNH			
38	NIHNN	<p>Bộ Tài chính đang đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về đối tượng vay vốn, nâng mức cho vay... Tuy nhiên hiện nay chưa có căn cứ chi đạo của Lãnh đạo Chính phủ đối với việc sửa đổi, bổ sung các nội dung này (Tại công văn số 7957/VP-CP-QHDP của Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ chỉ chi đạo về nghiên cứu sửa đổi quy định về vùng khó khăn, không chi đạo sửa đổi các nội dung khác).</p>	<p>Căn cứ đề xây dựng dự thảo Quyết định đã được Bộ Tài chính trình bày cụ thể tại dự thảo Tờ trình, trong đó bên cạnh căn cứ pháp lý và văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền còn có căn cứ từ thực tế những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế phát sinh trong quá trình triển khai chính sách. Đây cũng là căn cứ phù hợp để Bộ Tài chính đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định.</p>
39		<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo căn nhắc và có đề xuất cụ thể về thời điểm, nội dung sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng vùng</p>	<p>Ở thời điểm hiện nay, chính sách tín dụng vùng khó khăn trong quá trình triển khai phát sinh một số tồn tại, hạn chế nên cần thiết phải sửa đổi sớm để đảm bảo</p>

STT	Ý kiến các cơ quan	Tổng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	
	Nội dung tham gia	
	<p>khó khăn cho phù hợp để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc sửa đổi Nghị định số 78/2002/NĐ-CP.</p>	<p>hiệu quả chính sách. Việc sửa đổi Nghị định số 78/2002/NĐ-CP gắn liền với Chiến lược phát triển NIICSXH, có ảnh hưởng sâu rộng đến toàn bộ hoạt động của NIICSXH, do đó sẽ cần thời gian tương đối dài để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành. Sau khi Nghị định sửa đổi hoặc thay thế Nghị định số 78/2002/NĐ-CP được ban hành thì không chỉ chính sách tín dụng vùng vùng khó khăn mà tất cả các cơ chế, chính sách khác của NIICSXH cũng sẽ phải được rà soát đồng bộ để điều chỉnh cho phù hợp.</p>
40	<p>Đề nghị bổ sung thêm các căn cứ pháp lý đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung chính sách tín dụng “vùng khó khăn” do các căn cứ “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030” và Nghị quyết số 88/2019/QH14 là đề cập đến “vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”</p>	<p>Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định các đơn vị hành chính cấp xã thuộc “vùng khó khăn”, trong đó bao gồm: Các xã là khu vực III, khu vực II ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi... Do đó một số khu vực của “vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” cũng thuộc đối tượng “vùng khó khăn” theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Các văn bản chi đạo chủ trương, định hướng liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng là căn cứ và cơ sở đề sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng vùng khó khăn để góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực này.</p>
41	<p>Nhận định “việc quy định vùng khó khăn chi bao gồm các đơn vị hành chính cấp xã đã dẫn đến trường hợp các thôn đặc biệt khó khăn nhưng lại không được thụ hưởng chính sách” là chưa phù hợp. Do đó đề nghị bỏ nội dung bổ sung “b) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng. Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn” tại dự thảo Quyết định.</p>	<p>Thực tế cho thấy có thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Ủy ban Dân tộc nhưng lại không thuộc các đơn vị hành chính cấp xã vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, do đó không được vay vốn của chương trình để phát triển kinh tế - xã hội. Bộ Tài chính cho rằng đây là nội dung cần sửa đổi để đảm bảo các thôn đặc biệt khó khăn này cũng thuộc đối tượng “vùng khó khăn” để được vay vốn. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị giữ nguyên việc bổ sung đối tượng vùng khó khăn là “Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành</p>

Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
STT	Cơ quan	Nội dung tham gia
		cho từng giai đoạn”
42		<p>Các chương trình tín dụng vùng khó khăn có đối tượng vay vốn là các hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân không phải hộ nghèo, hộ cận nghèo hay hộ mới thoát nghèo. Do đó, về cơ bản, khách hàng vay vốn các chương trình này có điều kiện kinh tế và tài chính tốt, có nguồn thu nhập ổn định, hoàn toàn có khả năng trả lãi đầy đủ theo mức lãi suất hiện nay. Tính ưu đãi của chương trình tín dụng vùng khó khăn là việc khách hàng được vay vốn không cần tài sản bảo đảm và được vay vốn với thời hạn dài hơn so với các ngân hàng thương mại, do đó đã hỗ trợ cho các hộ gia đình và thương nhân tiếp cận được nguồn vốn vay dễ dàng hơn so với việc vay vốn ngân hàng thương mại.</p> <p>Bên cạnh đó, việc cho vay với lãi suất tiệm cận thị trường cũng phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển NHCSXH tự chủ về tài chính, giảm dần phụ thuộc vào NSNN (cấp bù lãi suất và phí quản lý).</p> <p>- Mục tiêu của các chính sách tín dụng vùng khó khăn là hỗ trợ phát triển vùng, khu vực còn khó khăn để giúp vùng, khu vực đó thoát nghèo, vươn lên giàu mạnh. Do đó, việc quy định đối tượng “vùng khó khăn” bao gồm cả các dân tộc còn gặp khó khăn, có khó khăn đặc thù như ý kiến của Bộ Ngoại giao chưa thực sự phù hợp với khái niệm về “vùng”, do một dân tộc có thể sinh sống trên một phạm vi rất rộng các khu vực, địa phương trên cả nước. Vì vậy, tại chính sách tín dụng vùng khó khăn chi quy định “vùng khó khăn” là các đơn vị hành chính cụ thể.</p> <p>- Đối với việc hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn thì Chính phủ đã có chính sách riêng theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.</p> <p>Chính sách hỗ trợ lãi suất 2%/năm tại Nghị định số 36/2022/NĐ-CP là đối với các khoản giải ngân của NHCSXH trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất và thời</p>
43	Bộ Ngoại giao	<p>Đề nghị bổ sung quy định vùng khó khăn là “c) Các trường hợp khác không thuộc quy định tại điểm a và b khoản này nhưng đáp ứng tiêu chí các dân tộc còn gặp khó khăn, có khó khăn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn...”</p>
44	Ủy ban Dân tộc	<p>Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ đã quy định chính sách “hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn</p>

STT	Ý kiến các cơ quan		Tổng hợp của Bộ Tài chính
	Cơ quan	Nội dung tham gia	
		là 2%/năm tính trên số dư nợ vay của các khoản giải ngân được giải ngân trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất và thời gian vay được hỗ trợ lãi suất". Do đó đề nghị Bộ Tài chính xem xét đề xuất mức lãi suất 7%/năm so với mức 9%/năm.	gian vay được hỗ trợ lãi suất. Do đó, đối với các khoản giải ngân chương trình tín dụng vùng khó khăn giai đoạn này đã tự động được giảm từ 9%/năm xuống 7%/năm theo quy định; không cần thiết phải sửa quy định về lãi suất cho vay tại dự thảo Quyết định.
45	Bộ NNPTNT	Đề nghị bổ sung quy trình đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mức lãi suất cho vay trong từng kỳ tại dự thảo Quyết định.	Quy định "Việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng kỳ trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội" đã có từ Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg. Trên cơ sở quy định này, HĐQT NHCSXH đã nhiều lần báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh mức lãi suất cho vay phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ. Những lần điều chỉnh mức lãi suất cho vay trước đây theo phương thức này chưa phát sinh vướng mắc. Vì vậy, kiến nghị bổ sung quy trình đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mức lãi suất của Bộ NNPTNT có thể phát sinh các nội dung về thủ tục hành chính và chi phí không cần thiết; bên cạnh đó trường hợp quy trình có những quy định khó thực hiện thì có thể dẫn tới vướng mắc trong triển khai thực tế.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5080 /BKHDĐT-TCIT

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

V/v góp ý kiến về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp các công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về góp ý đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình

Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn là cần thiết để phù hợp với Nghị quyết số 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, đáp ứng kịp thời nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng, vừa góp phần hạn chế, đẩy lùi "tín dụng đen", hỗ trợ người vay vốn thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc và bất cập trong quá trình thực hiện, nâng cao hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình tín dụng vùng khó khăn, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, sửa đổi và bổ sung một số vấn đề sau đây:

- Bổ sung báo cáo công tác cho vay, thu hồi nợ hàng năm bao gồm tổ chức giải ngân nguồn vốn cho vay, công tác thu hồi nợ, quản lý rủi ro và xử lý nợ bị rủi

ro đối với các khoản nợ của thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn và hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

- Bổ sung đánh giá về cơ chế tài chính; cơ chế lãi suất; phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách cho vay theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn để bảo toàn vốn vay. Đồng thời, đánh giá những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân và bài học trong việc thực hiện cho vay vốn thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn và hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

- Đề nghị Bộ Tài chính rà soát, bổ sung làm rõ cơ sở tính toán để đưa ra việc nâng mức vay vốn đối với một hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn lên tối đa không quá 200 triệu đồng; nâng mức vốn cho vay thương nhân là cá nhân tại vùng khó khăn tối đa là 200 triệu đồng và nâng mức vốn cho vay thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp tối đa là 1 tỷ đồng để đảm bảo về bảo toàn nguồn vốn và khả năng huy động các nguồn vốn cho vay.

2. Về dự thảo Quyết định

- Tại Khoản 3 Điều 1 về sửa đổi, bổ sung Điều 7 và Khoản 2 Điều 2 về sửa đổi, bổ sung Điều 7 của dự thảo Quyết định, Bộ Tài chính đề xuất:

+ Đối với sửa đổi Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg: “Mức vốn cho vay đối với một hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tối đa là 100 triệu đồng. Trong một số trường hợp cụ thể, mức vốn vay của một hộ có thể trên 100 triệu đồng, giao Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào khả năng nguồn vốn, nhu cầu đầu tư và khả năng trả nợ của hộ sản xuất, kinh doanh, để quy định mức cho vay cụ thể, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng.”

+ Đối với sửa đổi Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg: “Mức vốn cho vay thương nhân là cá nhân không thực hiện chế độ kế toán theo quy định pháp luật về chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và nộp thuế khoán theo quy định của cơ quan thuế tối đa là 100 triệu đồng. Mức vốn cho vay thương nhân là cá nhân thực hiện chế độ kế toán theo quy định pháp luật về chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và kê khai nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật tối đa là 200 triệu đồng. Mức vốn cho vay thương nhân là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp tối đa là 1 tỷ đồng.”

+ Nghị quyết số 29/2021/QH15 của Quốc hội ngày 28/7/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, Ngân hàng Chính sách xã hội đã

được bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trong đó cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý là 7.000 tỷ đồng.

Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính rà soát, bổ sung báo cáo về cơ sở tính toán về nhu cầu nguồn vốn và khả năng huy động vốn để thực hiện phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, kế hoạch tăng trưởng tín dụng chính sách và quản lý rủi ro.

- Trong giai đoạn 2021-2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi triển khai cùng 02 Chương trình mục tiêu quốc gia là Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững. Do vậy, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg theo hướng tránh phân tán, chông chéo về chính sách và tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

Trên đây là ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Bộ Tài chính đề tổng hợp *g*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, Vụ TCTI *mz*

**KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Số: *2618* /LDTBXH- VPQGGN

Hà Nội, ngày *21* tháng 7 năm 2022

V/v góp ý hồ sơ trình TTgCP
về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung
Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg
và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trà lời Công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc lấy ý kiến về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2009, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến đối với dự thảo Quyết định như sau:

1. Khoản 2 Điều 1, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Đối tượng được vay vốn:

1. Các hộ gia đình theo quy định của Bộ luật Dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và chưa được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm hoặc đã được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội nhưng đã trả hết nợ vay thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm (sau đây gọi chung là người vay vốn).

2. Người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của các thành viên trong hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quan hệ vay vốn, trả nợ, trả lãi.”

2. Khoản 1 Điều 2, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với *thương nhân* quy định tại Quyết định này bao gồm:

a) Các xã khó khăn, đặc biệt khó khăn quy định trong danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn;

b) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn.”

3. Khoản 3 Điều 2, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:**“Điều 12. Bảo đảm tiền vay**

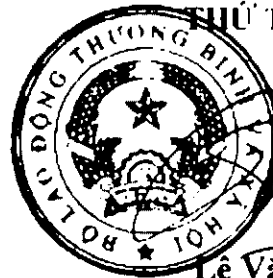
1. Thương nhân vay vốn đến 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

2. Thương nhân vay vốn *trên* 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của *Ngân hàng Chính sách xã hội* và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.”

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo)
- Lưu: VT, VPQGGN.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Lê Văn Thanh

Số: 4882 /NHNN-TD

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Quyết định
sửa đổi, bổ sung Quyết định số
31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 và
Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg
ngày 8/7/2009

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009 về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; sau khi nghiên cứu hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

I. Ý kiến tham gia chung

1. Tại Công văn số 7957/VPCP-QHĐP, Phó Thủ tướng thường trực Phạm Bình Minh chỉ đạo các Bộ, cơ quan theo chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất, giải pháp cụ thể đối với các chính sách đã ban hành áp dụng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 nay không còn nằm trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, báo cáo cấp có thẩm quyền tại thời điểm phù hợp.

Theo NHNN, Bộ Tài chính cần rà soát, xác định số lượng các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 nay không còn nằm trong danh sách xã khu vực II, III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025. Trường hợp Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục áp dụng chính sách tín dụng theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg đối với các xã, thôn này, đề nghị bổ sung vào dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ dự kiến nhu cầu vốn tín dụng chính sách và nguồn lực thực hiện chính sách sửa đổi, bổ sung.

2. Tại dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, ngoài đề xuất sửa “vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng” tiếp tục áp dụng chính sách tín dụng theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiện không nằm trong danh sách xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, Bộ Tài chính còn đề xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung về: đối tượng vay vốn, nâng mức cho vay, NHNN cho rằng chưa phù hợp với chỉ đạo của Phó Thủ tướng thường trực tại Công văn số 7957/VPCP-

QHĐP và không đủ cơ sở pháp lý để đề xuất sửa đổi các nội dung liên quan đến đối tượng thụ hưởng, mức cho vay, lãi suất cho vay theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg.

3. Tại Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tin dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Công văn số 10159/VPCP-KTTH ngày 3/12/2020 của Văn phòng Chính phủ về việc rà soát toàn diện khung khổ pháp lý liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), Thủ tướng Chính phủ đã giao: *(i) NHCSXH tổ chức tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ, đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; (ii) Bộ Tài chính rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc nghiên cứu, sửa đổi các văn bản liên quan đến hoạt động của NHCSXH: quy định về chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cơ chế quản lý tài chính...*

Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc và có đề xuất phương án cụ thể về thời điểm, nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009 về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn cho phù hợp để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc sửa đổi Nghị định số 78/2002/NĐ-CP.

II. Ý kiến tham gia cụ thể

1. Đối với dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ

1.1. Tại mục 1 về sự cần thiết ban hành Quyết định:

- Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các căn cứ pháp lý để xuất sửa đổi, bổ sung các nội dung tại 2 chính sách tín dụng do phạm vi địa bàn thực hiện của 2 chính sách này là “vùng khó khăn”, trong khi đó tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đề cập đến chính sách tín dụng ưu đãi đối với “vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

- Điểm 2.1 về kết quả thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn:

+ Qua theo dõi số liệu cho vay của 2 chương trình này, NHNN thấy rằng đến 31/5/2022 dư nợ của 2 chương trình này đạt 26.642 tỷ đồng, giảm 3,95% so với 31/12/2021, với trên 673 nghìn khách hàng còn dư nợ. Trong đó, chương trình tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn có dư nợ giảm dần từ năm 2010 đến nay, cụ thể tại thời điểm 31/12/2010, dư nợ của chương trình là 318.214 triệu đồng, đến 31/5/2022 dư nợ là 157.777 triệu đồng, giảm 50,4% so với thời điểm 31/12/2010. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung làm rõ nguyên nhân của việc dư nợ chương trình có xu hướng giảm

dẫn, thống kê số lượng đối tượng có nhu cầu vay vốn làm cơ sở để đánh giá về sự cần thiết sửa đổi, bổ sung 2 chính sách cho vay này.

+ Theo số liệu của NHCSXH, đến 31/5/2022, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh chiếm 1,68% trên dư nợ của chương trình (tỷ lệ nợ quá hạn 0,64%, tỷ lệ nợ khoanh 1,04%), cao hơn tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh bình quân của các chương trình tín dụng tại NHCSXH (0,69%). Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm đánh giá về chất lượng tín dụng của chương trình.

- Điểm 2.2 về những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách tín dụng tại vùng khó khăn:

+ Nhận định “việc quy định “vùng khó khăn” tại Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg chỉ bao gồm các đơn vị hành chính cấp xã đã dẫn đến trường hợp các thôn đặc biệt khó khăn nhưng lại không được thụ hưởng chính sách” là chưa phù hợp. Theo NHNN, vấn đề khó khăn phát sinh là sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg, Ủy ban Dân tộc ban hành Quyết định số 861/QĐ-UBND, số 612/QĐ-UBND dẫn đến một số xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn trước đây nay không còn nằm trong danh sách xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuy nhiên, người dân sinh sống tại các khu vực này vẫn cần tiếp tục được Nhà nước hỗ trợ để phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững.

+ Về đối tượng được vay vốn của chương trình:

Tại trang 2 dự thảo Tờ trình có nêu “...thực tế hiện nay có nhiều chương trình tín dụng cho hộ gia đình để sản xuất kinh doanh khác như chương trình tín dụng cho hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, chương trình cho vay giải quyết việc làm. Do đó, để tránh việc cho vay trùng lặp một khách hàng giữa các chương trình thì cần phải bổ sung làm rõ trong quy định đối tượng được vay vốn.”

NHNN thấy rằng ngoài một số chính sách tín dụng được nêu tại dự thảo Tờ trình (chương trình tín dụng hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, chương trình cho vay giải quyết việc làm) có sự trùng lặp với chương trình tín dụng cho hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn, tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP của Chính phủ có quy định về chính sách cho vay đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý (có đối tượng vay vốn là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ gia đình và các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hoạt động tại các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), chính sách cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị (có đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã), có thể trùng lặp về đối tượng, địa bàn thực hiện, mục đích cho vay đối với chương trình tín dụng cho hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020: *Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo có nhiệm vụ tổ chức tổng kết việc thi hành pháp luật; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội...*, để tránh trùng lặp về đối tượng và cơ chế

chính sách đối với các chính sách tín dụng hiện đang triển khai tại NHCSXH, đề nghị cơ quan soạn thảo có báo cáo và đánh giá đầy đủ, cụ thể hơn về nội dung này.

+ Về mức cho vay tối đa: Tại dự thảo Tờ trình có nêu “...theo đánh giá của NHCSXH, mức cho vay hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của hộ sản xuất kinh doanh và thương nhân hoạt động thương mại vùng khó khăn.”, tuy nhiên theo số liệu kết quả thực hiện tại điểm 2.1 dự thảo Tờ trình, dư nợ bình quân của chương trình tín dụng đối với hộ sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn là 39 triệu đồng/hộ, thấp hơn nhiều so với mức cho vay tối đa không phải thực hiện bảo đảm tiền vay hiện nay đang áp dụng là 50 triệu đồng/hộ. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh giá cụ thể hơn để làm rõ nhận định “mức cho vay hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu vốn của hộ sản xuất kinh doanh”, làm cơ sở đề xuất mức cho vay tối đa cho phù hợp.

1.2. Tại mục IV về bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định:

- Điểm 2.1 sửa đổi, bổ sung quy định về vùng khó khăn: Đề nghị bỏ nội dung “(b) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn” vì các lý do đã được nêu tại điểm 1.1 Công văn này.

- Điểm 2.2 sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng vay vốn: Đề nghị nghiên cứu một số nội dung đã được đề cập tại điểm 1.1 Công văn này để rà soát, quy định các điều kiện loại trừ, tránh trùng lặp về đối tượng và cơ chế chính sách đối với các chính sách tín dụng hiện đang triển khai tại NHCSXH.

- Điểm 2.4 sửa đổi, bổ sung quy định lãi suất cho vay: Vừa qua một số đại biểu Quốc hội phản ánh lãi suất cho vay chương trình cao so với mặt bằng lãi suất các chương trình tín dụng tại NHCSXH. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định lãi suất cho vay phù hợp, đảm bảo ưu đãi, tương đồng với lãi suất áp dụng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Điểm 2.5 sửa đổi, bổ sung quy định về bảo đảm tiền vay:

Theo dự thảo Tờ trình “...đa số hộ kinh doanh vùng khó khăn vay vốn để trồng trọt, chăn nuôi hoặc kinh doanh hàng hóa nhỏ lẻ. Nhu cầu sử dụng vốn vay chủ yếu đầu tư vào vốn lưu động để mua nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón... dẫn đến việc kiểm soát tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay gặp nhiều khó khăn” (trang 8 dự thảo Tờ trình), “Sau khi tài sản đảm bảo tiền vay được hình thành, NHCSXH không thể kiểm soát được tình trạng về tài sản dẫn đến công tác xử lý tài sản đảm bảo không thực hiện được.” (trang 3 dự thảo Tờ trình), đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ thêm về nội dung này. Trường hợp nâng mức cho vay (tối đa 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay, trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định) nhưng hộ gia đình vẫn thực hiện bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành trong tương lai do không có tài sản bảo đảm là tài sản hiện có, thì NHCSXH cần có biện pháp gì để kiểm soát tài sản bảo đảm, tránh để xảy ra tình trạng “không thể kiểm soát được về tài sản” như được nêu tại dự thảo Tờ trình.

1.3. Tại mục V về dự kiến nguồn lực thi hành quyết định:

Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp với NHCSXH dự kiến số lượng đối tượng, tính toán cụ thể nhu cầu nguồn lực cần thiết, nguồn cấp bù lãi suất, phí quản lý và khả năng huy động vốn của NHCSXH để thực hiện cho vay 2 chương trình tín dụng.

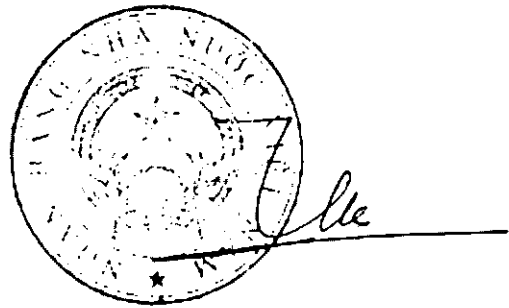
2. Đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và tài liệu liên quan: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa phù hợp với các nội dung tại dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bộ Tài chính để tổng hợp./. *ĐD*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thông đốc NHNN (để b/c);
- PTD Đào Minh Tú;
- Lưu: VP, VTDCNKT, TD5.(03).DITrang.

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4379 /BNN-PC
V/v góp dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ
sung một số điều của Quyết định số
31/2007/QĐ-TTg, Quyết định số
92/2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn (sau đây viết tắt là dự thảo Quyết định), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

Khoản 4 Điều 1 dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg quy định thẩm quyền quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay: “việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội”. Với quy định nêu trên, để đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị xem xét bổ sung quy định về quy trình đề xuất Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mức lãi suất cho vay trong từng thời kỳ.

Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự thảo Quyết định theo đề nghị của Quý Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2871/BTP-PLDSKT**

V/v góp ý hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 64363
Ngày:	11-08-2022
Chuyên:	Vụ...TCXH
Số và ký hiệu HS:	

Trả lời Công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính về việc cho ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009, căn cứ hồ sơ, tài liệu được cung cấp, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Khoản 6 Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/10/2002 về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định người nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn tín dụng ưu đãi, trong đó bao gồm "*Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ*". Ngày 05/3/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn. Ngày 08/7/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

Theo thông tin tại Mục I dự thảo Tờ trình (trang 2-3), qua hơn 15 năm triển khai thực hiện, chính sách tín dụng tại vùng khó khăn đã đạt được nhiều kết quả, tuy nhiên, còn tồn tại những khó khăn, vướng mắc do một số nội dung không còn phù hợp với thực tế, có sự thay đổi về chính sách liên quan đến việc ban hành một số văn bản pháp luật mới. Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: "*Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền*". Do đó, việc Bộ Tài chính nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg là có cơ sở.

Tuy nhiên, trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách tín dụng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như: Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 28/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025... Do vậy, để bảo đảm tránh trùng lặp về chính sách và đối tượng cho việc thực hiện sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, đề nghị Bộ Tài chính rà soát quy định pháp luật, nghiên cứu, tổng kết việc thi hành Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg trong thời gian qua, đánh giá đầy đủ vướng mắc, bất cập (bao gồm bất cập, vướng mắc do quy định pháp luật và/hoặc do tổ chức thi hành); từ đó làm rõ sự cần thiết của việc xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung các Quyết định trên.

Bên cạnh đó, từ năm 2007 đến nay đã có nhiều thay đổi về căn cứ ban hành Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg, đồng thời qua rà soát, dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung đa số các quy định quan trọng của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg như: đối tượng được vay vốn, mức vay vốn, lãi suất, tài sản bảo đảm..., đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc việc ban hành văn bản mới thay thế Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg.

2. Về dự thảo Quyết định

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát dự thảo Quyết định để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất đối với hệ thống pháp luật, trong đó cần lưu ý một số vấn đề sau đây:

2.1. Về đối tượng được vay vốn

Khoản 2 Điều 1 dự thảo Quyết định (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg) quy định: "*Các hộ gia đình theo quy định của Bộ luật Dân sự (bao gồm cả hộ gia đình làm kinh tế trang trại) không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và chưa được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm*". Trong khi đó, Bộ luật Dân sự năm 2015 (từ Điều 101 đến Điều 104) đã quy định rõ việc tham gia quan hệ dân sự của hộ gia đình. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định liên quan đến hộ gia đình trong dự thảo Quyết định với chế định hộ gia đình trong Bộ luật Dân sự năm 2015 (từ Điều 101 đến Điều 104) để quy định cho phù hợp, tránh vướng mắc trong thực thi.

Bên cạnh đó, quy định về đối tượng được vay vốn tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Quyết định bao gồm cả nội dung quy định về điều kiện được vay vốn, phương thức cho vay, thuộc phạm vi nội dung quy định tại Điều 4, Điều 11 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg. Ví dụ: “không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo”, “chưa được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm tại Ngân hàng Chính sách xã hội”, “thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm”, “người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của các thành viên trong hộ gia đình chịu trách nhiệm giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tách các quy định nêu trên thành các khoản riêng quy định tại Điều 4, Điều 11 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất của dự thảo Quyết định.

2.2. Về mức vốn cho vay

Khoản 3 Điều 1 dự thảo Quyết định về mức vốn cho vay quy định: “Mức vốn cho vay đối với một hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tối đa là 100 triệu đồng”; “Trong một số trường hợp cụ thể, mức vốn vay của một hộ có thể trên 100 triệu đồng, giao Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào khả năng nguồn vốn, nhu cầu đầu tư và khả năng trả nợ của hộ sản xuất, kinh doanh, để quy định mức cho vay cụ thể. Nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng”. Về nguyên tắc, trường hợp dự thảo Quyết định quy định mức vốn vay tối đa thì trên cơ sở khả năng nguồn vốn, nhu cầu đầu tư và khả năng trả nợ của khách hàng, Ngân hàng Chính sách xã hội xác định mức vay cụ thể đối với từng hộ gia đình. Như vậy, việc quy định 02 mức vay tối đa (là 100 triệu đồng và 200 triệu đồng) và chỉ giao Ngân hàng Chính sách xã hội quy định mức cho vay cụ thể đối với khoản vay trên 100 triệu đồng là chưa hoàn toàn phù hợp và thống nhất. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉ quy định 01 mức cho vay tối đa, trường hợp đối với các khoản vay trên 100 triệu đồng cần thiết phải đáp ứng thêm một số điều kiện cụ thể, cân nhắc bổ sung các điều kiện này tại Điều 4 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg về điều kiện được vay vốn, đảm bảo tính thống nhất của dự thảo Quyết định và thuận tiện trong quá trình áp dụng pháp luật.

Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 1 dự thảo Quyết định (sửa đổi, bổ sung Điều 7 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg) quy định: “Đối với những hộ gia đình sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn trên 100 triệu đồng, ngoài điều kiện quy định tại Điều 4 Quyết định này, còn phải: a) Có vốn tự có...; b) Cam kết thực hiện bảo đảm tiền vay...” thuộc nội dung quy định về điều kiện được vay vốn được quy định tại Điều 4 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, không thuộc nội dung quy định về mức vay vốn theo tên gọi của Điều 7 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, tách quy định này thành điều khoản riêng về điều kiện được vay vốn tại Điều 4 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg cho phù hợp, bảo đảm tính thống nhất của dự thảo Quyết định. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ cụm từ “cam kết” tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 dự thảo

Quyết định) vì theo pháp luật hiện hành chỉ có trường hợp có/không thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà không có quy định cam kết thực hiện thực hiện bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

2.3. Về vùng khó khăn

Khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg) quy định: "*Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh quy định tại Quyết định này bao gồm...*".

Tuy nhiên, Điều 1 Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg quy định về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn. Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg quy định: "*Thương nhân bao gồm: tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh*". Khoản 21 Điều 3 Luật Đầu tư năm 2020 quy định: "*Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh*". Như vậy, khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định quy định vùng khó khăn được thụ hưởng "chính sách tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh" là chưa thống nhất với phạm vi và đối tượng áp dụng của chính sách tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý cho phù hợp.

3. Về trình tự, thủ tục và kỹ thuật soạn thảo văn bản

3.1. Đề nghị Bộ Tài chính phối hợp các Bộ, ngành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg và triển khai xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); đồng thời cần rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Quyết định, bổ sung Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đánh giá tác động các chính sách trong dự thảo Quyết định; tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan, nhất là đối tượng chịu sự tác động của văn bản; trên cơ sở đó, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Quyết định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Quyết định, đề nghị rà soát, hoàn thiện theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp đối với hồ sơ dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009, xin gửi Bộ Tài chính tham khảo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Phan Chi Hiếu (để b/c);
- PVT Nguyễn Chi Lan (để biết);
- Lưu: VT, PLDSKT (PLKTN, BTQ).

TL- BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ-KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú



BỘ NGOẠI GIAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *2995* BNG-THKT

V/v góp ý dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 & Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009

Hà Nội, ngày *14* tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Phúc công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24/6/2022 của Quý Bộ đề nghị tham gia đóng góp ý kiến đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với hồ sơ dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ của Quý Bộ. Việc ban hành Quyết định nêu trên là cần thiết, góp phần xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực tiễn các chương trình tín dụng vùng khó khăn để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thúc đẩy các hoạt động sản xuất, kinh doanh tại khu vực khó khăn.

2. Để hồ sơ được hoàn thiện hơn, Bộ Ngoại giao có một số ý kiến đóng góp như sau:

(i) Về quan điểm chỉ đạo: cần nhắc bổ sung quan điểm về phù hợp với chính sách hội nhập quốc tế của ta.

(ii) Về dự thảo Tờ trình:

- Tại mục IV.2.1.b (trang 5), đề nghị bổ sung như sau: "... (b) Các thôn không thuộc các xã quy định tại điểm a khoản này nhưng thuộc danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành cho từng giai đoạn; (c) Các trường hợp khác không thuộc các quy định tại điểm a và b khoản này nhưng đáp ứng tiêu chí các dân tộc còn gặp khó khăn, có khó khăn đặc thù do Thủ tướng Chính phủ ban hành cho từng giai đoạn..."

- Cần nhắc bổ sung nội dung về có cơ chế để thường xuyên rà soát các tổ chức và cá nhân cho vay tín dụng để đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, thương nhân tại các vùng khó khăn.

- Cần nhắc lồng ghép vấn đề giới. Cụ thể như sau:

¹ Hiện là Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 39/2020/QĐ-TTg về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

+ Lồng ghép nội dung về bình đẳng giới vào đào tạo cho cán bộ, tăng cường tuyên dụng các cán bộ nữ tại các tổ chức tài chính vi mô và ngân hàng chính sách.

+ Có đo lường các chỉ số về bình đẳng giới với nhóm khách hàng, như tỉ lệ nam/nữ được cho vay và gửi tiết kiệm.

+ Khuyến khích tăng cường đăng ký tài sản theo tên phụ nữ.

+ Tăng cường tuyên truyền về dịch vụ tài chính vi mô hướng đến phụ nữ để thay đổi nhận thức.

- Xem xét bổ sung các dịch vụ phi tài chính như chương trình đào tạo về quản lý doanh nghiệp.

- Xem xét bổ sung nội dung về cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính vi mô như bảo hiểm vi mô.

Bộ Ngoại giao xin gửi Quý Bộ một số ý kiến nêu trên để tổng hợp. / 2

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: LPQT, TCQT;
- Lưu: HC, THKT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Minh Vũ

Nguyễn Minh Vũ

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 113/UBDT - CSDT

Về góp ý hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31 và 92

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24 tháng 6 năm 2022 về lấy ý kiến về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009. Sau khi nghiên cứu, Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ về dự thảo Quyết định, Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009 và báo cáo đánh giá tác động của Quý Bộ dự thảo.

2. Một số ý kiến cụ thể về dự thảo Quyết định như sau:

1. Tại Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 5/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn.

Tại Điều 7, Khoản 2, Mục b: Đề nghị bổ sung thêm như sau “Cam kết thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”.

Tại Điều 12 (Xử lý rủi ro): Đề nghị sửa như sau “Việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội”.

2. Tại Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

Tại Khoản 1 (Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2): Đề nghị sửa “Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với thương nhân quy định tại Quyết định này bao gồm”.

Tại Điều 12 (Bảo đảm tiền vay), Mục 2: Đề nghị bổ sung như sau “Thương nhân vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”.

3. Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc việc quy định lãi suất cho vay 0,75%/tháng, 9%/năm vì theo quy định tại khoản 3, Điều 5, Nghị định số 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ "Về hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội", quy định: "Mức hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay vốn là 2% năm tính trên số dư nợ vay của các khoản giai ngân được giai ngân trong thời gian thực hiện hỗ trợ lãi suất và thời gian vay được hỗ trợ lãi suất". Đề hỗ trợ kịp thời đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn trong bối cảnh vừa chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 và ảnh hưởng tiêu cực của cuộc xung đột Nga - Ucraina, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị mức lãi suất thấp hơn, khoảng 7%/năm.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Dân tộc, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện ~~đề~~

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT, CN UBND (để b/c);
- Lưu: VT, CSĐT (2b). 3

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



★ Lê Sơn Hải



**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI

HẢI VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5295/NHCS-TDSV

Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2022

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ trình
Thủ tướng Chính phủ dự thảo
Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết
định số 31/2007/QĐ-TTg ngày
05/3/2007 và Quyết định số
92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 56262
Ngày:	18-07-2022
Chuyên:	Vụ TCNH
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nhận được công văn số 6012/BTC-TCNH ngày 24/6/2022 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009. Sau khi nghiên cứu, NHCSXH cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, để thống nhất với các quy định tại các văn bản hiện hành, NHCSXH tham gia một số nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

a) Khoản 2 Điều 1

- Đề nghị sửa đổi nội dung “và chưa được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm” thành: “và không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm”

Lý do: Nếu quy định “chưa được vay vốn” sẽ xảy ra trường hợp khách hàng đã vay vốn chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đã trả hết nợ và có nhu cầu vay chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn thì sẽ không được vay. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của khách hàng chi loại trừ khách hàng hiện đang vay vốn chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Đề nghị đơn vị soạn thảo làm rõ đối tượng “hộ mới thoát nghèo” để NHCSXH có cơ sở để thực hiện.

Lý do: Tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

Như vậy Thủ tướng Chính phủ chưa có quy định về quy trình rà soát hộ mới thoát nghèo.

Thực tế, hiện nay NHCSXH đang thực hiện chương trình cho vay đối với hộ mới thoát nghèo theo Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của

Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo. Theo đó Hộ mới thoát nghèo quy định tại Điều 2 Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg “là hộ gia đình đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua điều tra, rà soát hằng năm có thu nhập bình quân đầu người cao hơn chuẩn cận nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và thời gian kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 3 năm”.

Do đó, để thuận lợi trong quá trình thực hiện chính sách, đề nghị đơn vị soạn thảo quy định rõ “hộ mới thoát nghèo” theo hướng được hiểu như quy định nêu tại Quyết định 28/2015/QĐ-TTg.

b) Khoản 3 Điều 1

Đề nghị sửa lại như sau:

“**Điều 7. Mức vốn cho vay**

1. *Mức vốn cho vay...*

2. *Trong một số trường hợp cụ thể, mức vốn vay của một hộ có thể trên 100 triệu đồng, giao Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ vào khả năng nguồn vốn, nhu cầu đầu tư và khả năng trả nợ của hộ sản xuất kinh doanh để quyết định mức cho vay cụ thể, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng ...*

b) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.”

Lý do:

- Thay cụm từ ‘quy định’ bằng cụm từ “quyết định” vì khi dự thảo Quyết định này được ban hành NHCSXH có thể triển khai thực hiện cho vay theo mức vay mới ngay sau khi Quyết định có hiệu lực và NHCSXH không phải ban hành thêm hướng dẫn.

- Về thực hiện bảo đảm tiền vay: Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định hình thức bảo đảm tiền vay từ tài sản hình thành từ vốn vay, do đó khách hàng cần phải có cam kết bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nhưng với dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg, việc bảo đảm tiền vay của khách hàng phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của Bộ luật dân sự 2015 có tất cả 9 biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự, tuy nhiên, theo quy định của NHCSXH thì hiện nay chỉ thực hiện biện pháp bảo đảm là nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà ở, công trình xây dựng khác, rừng sản xuất là rừng trồng cây lâu năm) theo quy định của pháp luật được thế chấp để vay vốn tại NHCSXH.

c) Khoản 4 Điều 1

Đề nghị sửa đổi lại lãi suất như sau:

“**Điều 8. Lãi suất cho vay**

1. *Lãi suất cho vay bằng 9%/năm”*

Lý do: Việc quy định lãi suất theo năm để phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng Nhà nước quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

d) Khoản 5 Điều 1

Đề nghị sửa lại nội dung tại điểm 2 khoản 5 Điều 1 thành:

“Người vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”

Lý do: Dự thảo đang quy định người vay vốn “từ 100 triệu đồng trở lên” phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật, trong khi tại điểm 1 Khoản 5 Điều 1 quy định người vay vốn “đến 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay”. Do đó cần thiết phải thay thế từ “*từ*” bằng từ “*trên*” cho phù hợp.

d) Khoản 1 Điều 2

Đề nghị sửa đổi tên đối tượng thụ hưởng “hộ gia đình sản xuất kinh doanh” thành “thương nhân” và sửa thành như sau:

1. Vùng khó khăn được thụ hưởng chính sách tín dụng đối với thương nhân quy định tại Quyết định này bao gồm:

a) Các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) quy định

b) ...”

Lý do: Đây là nội dung sửa đổi Quyết định số 92/2007/QĐ-TTg, tại dự thảo đang đề “*đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh*” là chưa phù hợp với đối tượng điều chỉnh của Quyết định 92/2007/QĐ-TTg.

e) Khoản 3 Điều 2

Đề nghị sửa lại nội dung điểm 2 khoản 3 Điều 2 thành:

“Thương nhân vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.”

Lý do: Dự thảo đang quy định thương nhân vay vốn “từ 100 triệu đồng trở lên” phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật, trong khi tại điểm 1 Khoản 3 Điều 2 quy định thương nhân vay vốn “đến 100 triệu đồng không phải thực hiện bảo đảm tiền vay”. Do đó cần thiết phải thay thế từ “*từ*” bằng từ “*trên*” cho phù hợp.

2. Đối với dự thảo Tờ trình

- Tại tiết d điểm 2.2 khoản 2 Mục I: Đề nghị sửa cụm từ “Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg” thành “*Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg*”.

- Tại tiết b điểm 2.2 khoản 2 Mục IV đề nghị sửa nội dung "và chưa được vay vốn chương trình cho vay giải quyết việc làm" thành: "và không còn dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm"

- Tại tiết b điểm 2.5 khoản 2 Mục IV đề nghị sửa thành "... vay vốn đến 100 triệu đồng không phải thực hiện ... vay vốn trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ."

Trên đây là ý kiến tham gia của NHCSXH đối với hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009, kính gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc, TBKS đề b/cáo;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV;
- Lưu: VT, TDSV.



Huỳnh Văn Thuận

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI
Độc lập - Tự



Ký bởi VĂN PHÒNG BỘ
Cơ quan 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký 05/09/2022 14 07 37

VIỆT NAM
phúc

Số: 731 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2022

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 74272
Ngày:	05-09-2022
Chuyên:	Vũ. TCM
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Công Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn và Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn, Công Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, Công Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: Vụ KTTI, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT. PH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sâm